

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Hoàng Thị Việt Trinh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**TÊN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI
CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN NGUYÊN PHÁT**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Hoàng Thị Việt Trinh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Việt Trinh

Mã SV: 121240144

Lớp: QT1601K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại công ty TNHH

Vận tải Biển Nguyên Phát

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán thanh toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ
 - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán thanh toán tại đơn vị thực tập
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán thanh toán năm 2015 tại Công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại công ty
TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
 - Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
 - Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.
- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
 - Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
 - Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận, thực tiễn công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH công nghệ tự động hóa Hoàng Gia.
 - Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.
- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**
 - Điểm số:.....
 - Điểm chữ:.....

Hải Phòng, ngày 06 tháng 7 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Một số vấn đề chung về kế toán thanh toán.....	3
1.1.1. Các khái niệm.....	3
1.1.1.1. Khái niệm chung về thanh toán.....	3
1.1.1.2. Quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với người mua	3
1.1.1.3. Quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với người bán	3
1.1.2. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán.....	3
1.1.2.1. Thanh toán bằng tiền mặt.....	3
1.1.2.2. Thanh toán không dùng tiền mặt.....	4
1.2. Kế toán thanh toán với người mua.....	5
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua	5
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ kế toán sử dụng.....	6
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	6
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	6
1.2.2.3. Sổ kế toán sử dụng	6
1.2.3.2. Trường hợp doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp:.....	11
1.3. Kế toán thanh toán với người bán.....	12
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	12
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ kế toán sử dụng.....	12
1.3.2.1. Chứng từ sử dụng.....	12
1.3.2.2. Tài khoản sử dụng	13
1.3.2.3. Sổ kế toán sử dụng	13
1.4. Vận dụng các hình thức kế toán trong kế toán thanh toán.....	18
1.4.1. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	18
1.4.2. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung.....	18
1.4.3. Kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	18
1.4.4. Kế toán thanh toán theo hình thức kế toán máy.....	20
Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN NGUYỄN PHÁT	21
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Vận tải Biển Nguyễn Phát	21

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát.....	21
2.1.1.1. Giới thiệu chung.....	21
2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển công ty:	21
2.1.1.3. Ngành nghề kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ của công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát.....	22
2.1.1.4. Thuận lợi và khó khăn.....	22
2.1.1.5. Những kết quả mà công ty đạt được trong giai đoạn 2013-2015	23
2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát.....	24
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát.....	25
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.	25
2.1.3.2. Chức năng của từng bộ phận:.....	26
2.1.3.3 : Chế độ và các chính sách kế toán tại doanh nghiệp.....	26
2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát.....	28
2.2.1. Đặc điểm phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH vận tải Biển Nguyên Phát	28
2.2.1.1. Đặc điểm phương thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH vận tải Biển Nguyên Phát.....	28
2.2.1.2. Hình thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát.....	29
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát.....	29
2.2.2.1. Các chứng từ sử dụng.....	29
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng	29
2.2.2.3. Một số nghiệp vụ phát sinh	29
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Vận tải biển Nguyên Phát	52
2.2.3.1. Các chứng từ sử dụng.....	52
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng	52
2.2.3.3. Một số nghiệp vụ phát sinh	52

Chương 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN NGUYÊN PHÁT	69
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán tại công ty TNHH Vận tải biển Nguyên Phát	69
3.1.1. Ưu điểm.....	69
3.1.2. Nhược điểm.....	69
KẾT LUẬN	77
TÀI LIỆU THAM KHẢO	78

LỜI MỞ ĐẦU

Mối quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với người mua, người bán, với ngân sách phản ánh quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, thường xuyên phát sinh các nghiệp vụ thanh toán. Vì vậy người quản lý không chỉ quan tâm tới doanh thu, chi phí, lợi nhuận, cái mà họ phải thường xuyên nắm bắt chính là tình hình thanh toán. Tình hình tài chính của doanh nghiệp phản ánh việc làm ăn có hiệu quả hay không của doanh nghiệp. Phải xem xét tài chính để có thể tham gia ký kết các hợp đồng đủ khả năng thanh toán đảm bảo an toàn và hiệu quả cho doanh nghiệp. Nghiệp vụ thanh toán xảy ra ở cả trong quá trình mua hàng và quá trình tiêu thụ, nó có liên quan mật thiết với các nghiệp vụ quỹ và nghiệp vụ tạo vốn. Như vậy, có thể nói các nghiệp vụ thanh toán có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Để quản lý một cách có hiệu quả và tốt nhất đối với các hoạt động của doanh nghiệp nói riêng, dù là sản xuất kinh doanh hay dịch vụ và nền kinh tế quốc dân của một nước nói chung đều cần phải sử dụng các công cụ quản lý khác nhau trong đó có kế toán.

Sau quá trình học tập và nghiên cứu ở trường để trang bị các kiến thức cơ bản và đặc biệt là sau quá trình thực tập tại phòng kế toán của công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát, em đã chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát”***. Trong đề tài này em muốn tìm hiểu sâu hơn về các nghiệp vụ thanh toán, so sánh thực tế hạch toán tại công ty với lý thuyết được học, với chế độ tài chính hiện hành ở Việt Nam đồng thời tìm hiểu thêm về hạch toán các nghiệp vụ thanh toán theo chế độ kế toán quốc tế. Nguyên vọng của em đặt ra là thông qua các nghiệp vụ thanh toán để có cái nhìn tổng quát nhất về công tác kế toán tại công ty, điều này xuất phát từ đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH VTB Nguyên Phát. Tuy nhiên do điều kiện không cho phép nên em chỉ đi sâu tìm hiểu một số nghiệp vụ thanh toán. Như vậy chuyên đề thực tập này em sẽ tập chung vào ba khía cạnh là:

- Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với nhà cung cấp (người bán)
- Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua
- Tăng cường quản lý tài chính tại công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Để thực hiện mục tiêu đặt ra, bài viết của em chia làm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Một số vấn đề chung về kế toán thanh toán

1.1.1. Các khái niệm

1.1.1.1. Khái niệm chung về thanh toán

Nghiệp vụ thanh toán được hiểu là một quan hệ kinh doanh xảy ra khi doanh nghiệp có quan hệ mua bán và có sự trao đổi về một khoản vay nợ tiền vốn trong kinh doanh. Mọi quan hệ thanh toán đều tồn tại trong sự cam kết vay nợ giữa chủ nợ và con nợ về một khoản tiền theo điều khoản đã quy định có hiệu lực trong thời hạn cho vay, nợ.

Theo đó các nghiệp vụ thanh toán có thể chia làm 2 loại:

- Các nghiệp vụ dùng tiền, hiện vật để giải quyết các nghiệp vụ công nợ phát sinh.

- Các nghiệp vụ bù trừ công nợ.

1.1.1.2. Quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với người mua

Là việc theo dõi, hạch toán các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ ra bên ngoài.

1.1.1.3. Quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với người bán

Là việc theo dõi, hạch toán các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình mua sắm vật tư, tài sản, hàng hóa, dịch vụ.

1.1.2. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

1.1.2.1. Thanh toán bằng tiền mặt

Thanh toán bằng tiền mặt bao gồm các loại hình thanh toán như: thanh toán bằng tiền Việt Nam, trái phiếu ngân hàng, bằng ngoại tệ các loại và các loại giấy tờ có giá trị như tiền. Khi nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ thì bên mua xuất tiền mặt ở quỹ để trả trực tiếp cho người bán. Hình thức thanh toán này trên thực tế chỉ phù hợp với các loại hình giao dịch với số lượng nhỏ và đơn giản, bởi vì các khoản mua có giá trị lớn việc thanh toán trở nên phức tạp và kém an toàn. Thông thường hình thức này được áp dụng trong thanh toán với công nhân viên, với các nhà cung cấp nhỏ, lẻ...

1.1.2.2. Thanh toán không dùng tiền mặt

Đây là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách tính chuyển tài khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Các hình thức cụ thể bao gồm:

a. Thanh toán bằng Séc.

Séc là chứng từ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng tính tiền từ tài khoản của mình trả cho đơn vị được hưởng có tên trên séc. Đơn vị phát hành séc hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng séc. Séc chỉ phát hành khi tài khoản ở ngân hàng có số dư.

Séc thanh toán gồm có séc chuyển khoản, séc bảo chi, séc tiền mặt và séc định mức.

+ Séc chuyển khoản: Dùng để thanh toán và mua bán hàng hoá giữa các đơn vị trong cùng một địa phương. Séc có tác dụng để thanh toán chuyển khoản không có giá trị để lĩnh tiền mặt, séc phát hành chỉ có giá trị trong thời hạn quy định.

+ Séc định mức: Là loại séc chuyển khoản nhưng chỉ được ngân hàng đảm bảo chi tổng số tiền nhất định trong cả quyền séc. Số séc định mức có thể dùng để thanh toán trong cùng địa phương hoặc khác địa phương. Khi phát hành, đơn vị chỉ được phát hành trong phạm vi ngân hàng đảm bảo chi. Mỗi lần phát hành phải ghi số hạn mức còn lại vào mặt sau của tờ séc. Đơn vị bán khi nhận séc phải kiểm tra hạn mức còn lại của quyền séc.

+ Séc chuyển tiền cầm tay: Là loại séc chuyển khoản cầm tay, được ngân hàng đảm bảo thanh toán.

+ Séc bảo chi: Là séc chuyển khoản được ngân hàng đảm bảo chi số tiền ghi trên từng tờ séc đó. Khi phát hành séc đơn vị phát hành đưa đến ngân hàng để đóng dấu đảm bảo chi cho tờ séc đó. Séc này dùng để thanh toán chủ yếu giữa các đơn vị mua bán vật tư, hàng hoá... trong cùng một địa phương nhưng chưa tín nhiệm lẫn nhau.

b. Thanh toán bằng uỷ nhiệm thu.

Uỷ nhiệm thu là hình thức mà chủ tài khoản uỷ nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

c. Thanh toán bằng uỷ nhiệm chi.

Ủy nhiệm chi là giấy uỷ nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước và một số thanh toán khác...

d. Thanh toán bù trừ.

Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hoá hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này, định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thoả thuận rồi lập thành văn bản để làm căn cứ ghi sổ và theo dõi.

e. Thanh toán bằng thư tín dụng - L/C

Theo hình thức này khi mua hàng, bên mua phải lập một khoản tín dụng tại ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán tiền hàng cho bên bán. Khi giao hàng xong ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn vị khác địa phương, không tín nhiệm lẫn nhau.

Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán Quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

f. Thanh toán bằng thẻ tín dụng

Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

1.2. Kế toán thanh toán với người mua

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

- + Đối với các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ, cần theo dõi cả về nguyên tệ trên các tài khoản chi tiết và quy đổi theo đồng tiền Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.
- + Đối với các khoản nợ phải thu bằng vàng, bạc, đá quý, cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ điều chỉnh số dư theo giá thực tế.
- + Không bù trừ công nợ giữa các nhà cung cấp, giữa các khách hàng mà phải căn cứ trên sổ chi tiết để lấy số liệu lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.
- + Theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải thu theo từng đối tượng; thường xuyên tiến hành đối chiếu, kiểm tra, đôn đốc để việc thanh toán được kịp thời.
- + Đối với các đối tượng có quan hệ giao dịch, mua bán thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán cần kiểm tra đối chiếu từng

khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ kế toán sử dụng

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn VAT) do doanh nghiệp lập
- Giấy nhận nợ hoặc lệnh phiếu do khách hàng lập
- Chứng từ thu tiền: Phiếu thu, giấy báo có,...
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

TK 131 – Phải thu khách hàng và các tài khoản khác có liên quan

Kết cấu của tài khoản 131

<i>Nợ</i>	<i>TK 131</i>	<i>Có</i>
<p>Số dư đầu kỳ: Số tiền còn phải thu của khách hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải thu từ khách hàng mua chịu vật tư, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp - Số tiền thu thừa của khách hàng đã trả lại - Nợ phải thu từ khách hàng tăng do tỷ giá ngoại tệ tăng 	<p>Số dư đầu kỳ: Số tiền nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải thu từ khách hàng đã thu được - Số nợ phải thu giảm do chấp nhận giảm giá, chiết khấu, hoặc do khách hàng trả lại hàng đã bán - Số tiền khách hàng ứng trước để mua hàng - Nợ phải thu từ khách hàng giảm do tỷ giá ngoại tệ giảm 	<p>Số dư cuối kỳ: Số tiền doanh nghiệp còn nợ khách hàng</p>

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng khách hàng.

1.2.2.3. Sổ kế toán sử dụng

- Các loại sổ kế toán tổng hợp
- Sổ chi tiết TK 131
- Bảng tổng hợp chi tiết TK 131

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

1.2.3.1. Trường hợp doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ

*** Trường hợp bán chịu cho khách hàng:**

- Khi bán chịu vật tư, hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng, căn cứ vào hóa đơn VAT, kế toán ghi doanh thu bán chịu phải thu:

Nợ TK 131 : số tiền phải thu của khách hàng

Có TK 511 : doanh thu bán hàng (chưa VAT)

Có TK 3331 : VAT của hàng bán ra

- Khi thanh lý, nhượng bán TSCĐ chưa thu tiền, kế toán ghi:

Nợ TK 131 : số tiền phải thu của khách hàng

Có TK 711 : thu nhập hoạt động khác (chưa VAT)

Có TK 3331 : VAT của hàng bán ra

- Khi phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trừ vào nợ phải thu của khách hàng, kế toán ghi:

Nợ TK 521 : các khoản giảm trừ doanh thu

Nợ TK 3331 : VAT của hàng bán ra

Có TK 131 : số tiền phải thu của khách hàng

- Khi chấp nhận chiết khấu thanh toán cho khách hàng, kế toán ghi:

Nợ TK 635 : chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131 : số tiền phải thu của khách hàng

- Căn cứ chứng từ thanh toán, kế toán ghi số nợ đã thu:

Nợ TK 111, 112 : thu tiền nợ của khách hàng

Có TK 131 : ghi giảm số phải thu của khách hàng

*** Trường hợp khách hàng ứng trước tiền mua hàng**

- Khi doanh nghiệp nhận tiền ứng trước của khách hàng, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112 : số tiền khách hàng ứng trước

Có TK 131 : phải thu khách hàng

- Khi giao nhận hàng cho khách hàng theo số tiền ứng trước, căn cứ vào hóa đơn bán hàng, kế toán ghi:

Nợ TK 131 : tổng số tiền hàng khách hàng phải thanh toán

Có TK 511 : doanh thu bán hàng (chưa VAT)

Có TK 3331 : VAT của hàng bán ra

- Chênh lệch giữa số tiền ứng trước và giá trị hàng bán theo thương vụ sẽ được theo dõi thanh toán quyết toán trên TK 131.

+ Nếu ứng trước < giá trị hàng bán theo thương vụ thì phải thu thêm, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112 : Số tiền thu thêm

Có TK 131 : Phải thu của khách hàng

+ Nếu ứng trước > giá trị hàng bán theo thương vụ và doanh nghiệp trả số tiền còn thừa, kế toán ghi:

Nợ TK 131 : Phải thu của khách hàng

Có TK 111, 112 : Số tiền còn thừa

*** Trường hợp bán hàng trả góp**

- Theo phương thức này, khách hàng thanh toán trước một phần tiền, phần còn lại chưa trả và phải chịu lãi, số lãi đó được coi là thu nhập tài chính. Doanh thu bán hàng được xác định như trong trường hợp bán hàng một lần, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112 : số tiền trả ngay

Nợ TK 131 : số tiền trả góp

Có TK 511 : doanh thu bán hàng (chưa VAT)

Có TK 3331 : VAT của hàng bán (tính trên doanh thu bán hàng)

Có TK 3387 : tiền lãi trả chậm, trả góp.

*** Trường hợp hàng đổi hàng**

Hàng xuất kho mang đi đổi được coi như tiêu thụ, hàng nhận về do đổi coi như mua.

- Khi xuất hàng đem đi đổi:

Nợ TK 131 : phải thu khách hàng

Có TK 511 : doanh thu bán hàng (chưa VAT)

Có TK 3331 : VAT của hàng bán ra.

- Khi nhận hàng do đổi hàng:

Nợ TK 152, 153, 211, 611

Nợ TK 133 : VAT được khấu trừ

Có TK 131 : phải thu khách hàng

Số tiền thừa, thiếu do đổi hàng được xử lý trên TK 131

*** Trường hợp nợ phải thu khó đòi**

Căn cứ để được ghi nhận là khoản nợ phải thu khó đòi là nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 2 năm trở lên. Trong trường hợp đặc biệt, tuy thời hạn chưa tới 2 năm, nhưng đơn vị nợ đang trong thời gian xem xét giải thể, phá sản hoặc người nợ có dấu hiệu khác như bỏ trốn ... cũng được ghi nhận là khoản nợ khó đòi.

- Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:
 - Cuối niên độ kế toán, tính số dự phòng phải thu khó đòi cho năm nay:
 - Nợ TK 642 : Chi phí quản lý kinh doanh*
 - Có TK 159 : dự phòng phải thu khó đòi*
 - Sang năm sau, tính ra số dự phòng phải lập trong năm và so sánh với số dự phòng năm trước đã lập:
 - + Nếu không thay đổi thì không lập thêm dự phòng
 - + Nếu số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước thì tiến hành lập thêm theo số chênh lệch.
 - Nợ TK 642 : số chênh lệch*
 - Có TK 159 : dự phòng phải thu khó đòi*
 - + Nếu số dự phòng phải thu năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước thì hoàn nhập dự phòng theo số chênh lệch.
 - Nợ TK 159 : số chênh lệch*
 - Có TK 642 : chi phí QLKD*
 - Trường hợp có dấu hiệu chắc chắn không đòi được, kế toán ghi:
 - Nợ TK 642 : Chi phí QLKD*
 - Có TK 131 : số thực tế mất*
 - Trường hợp số nợ đã xóa sổ nhưng lại đòi thì cho vào thu nhập hoạt động khác:
 - Nợ TK 111, 112...*
 - Có TK 711 : thu nhập hoạt động khác*
- * Trường hợp thanh toán với người mua bằng ngoại tệ**
- a) Khách hàng trả nợ bằng ngoại tệ:
- Khi bị lỗ chênh lệch tỷ giá:
 - Nợ TK 112 : Tỷ giá thực tế*
 - Nợ TK 635 : Lỗ về tỷ giá hối đoái*
 - Có TK 131 : Tỷ giá ghi nhận nợ*
 - Khi lãi chênh lệch tỷ giá:
 - Nợ TK 112 : Tỷ giá thực tế*
 - Có TK 515 : Lãi về tỷ giá hối đoái*
 - Có TK 131 : Tỷ giá ghi nhận nợ*
- b) Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:
- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

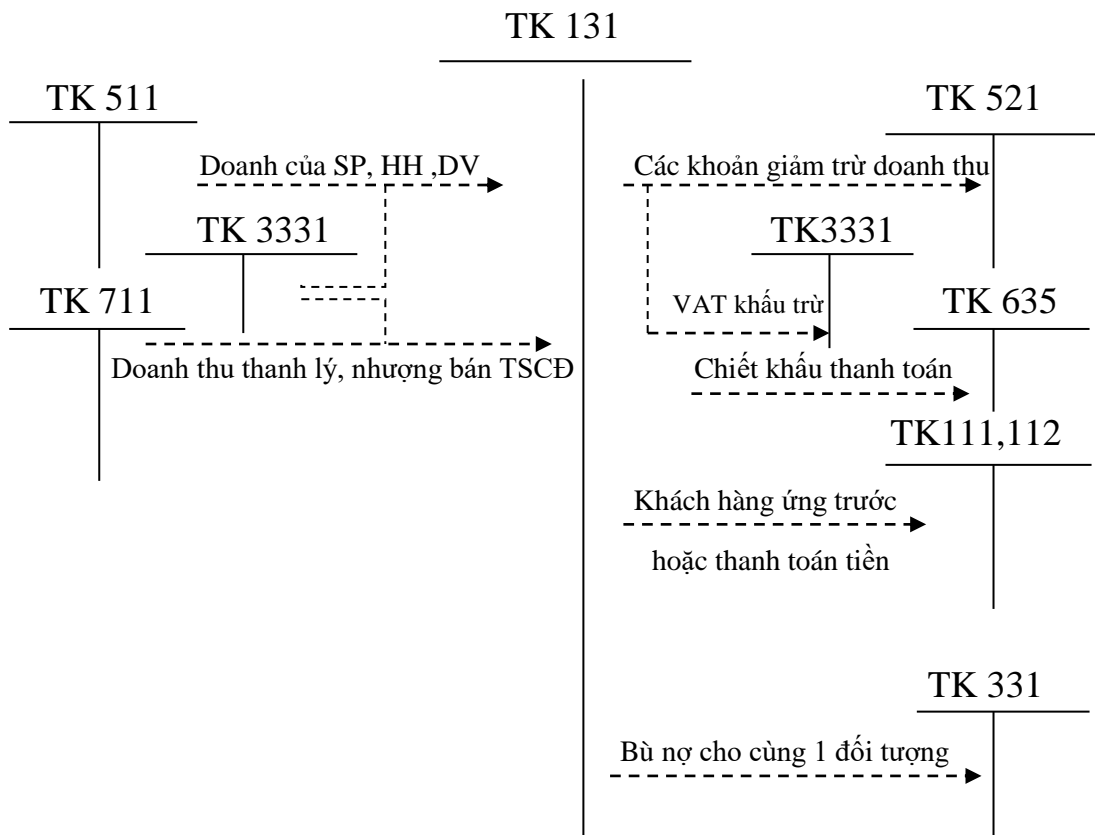
Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

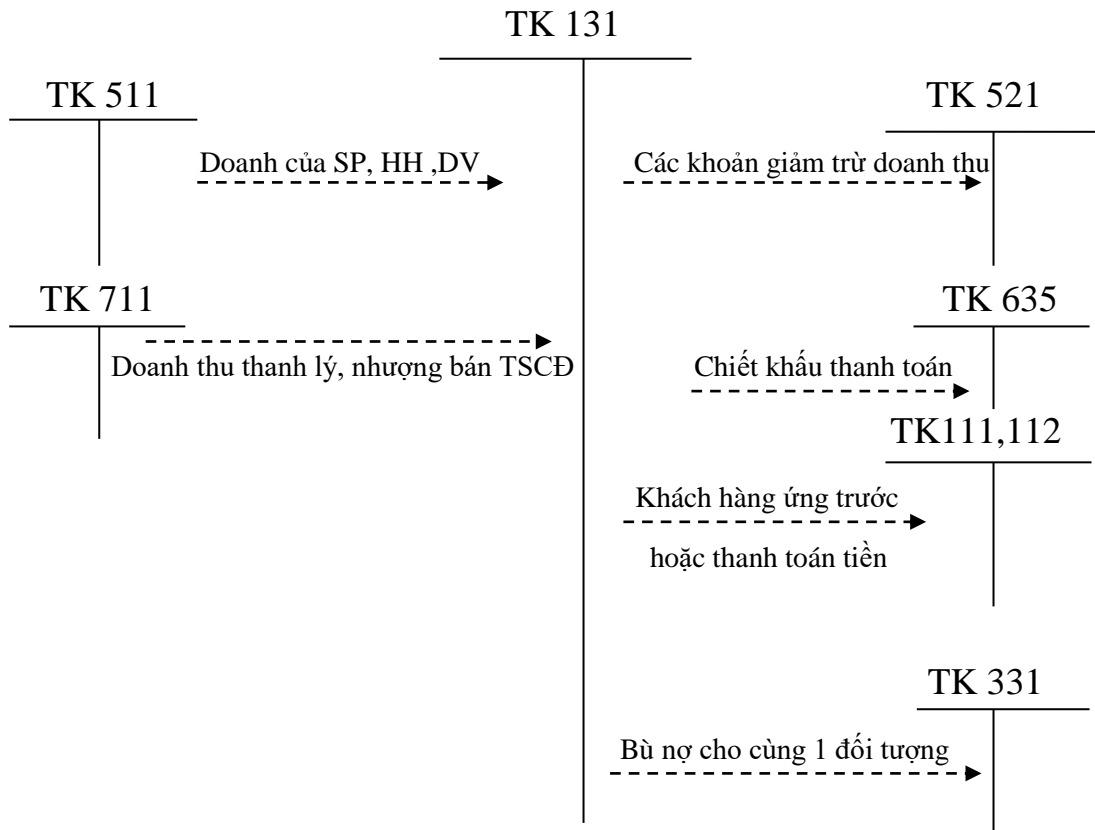
Sơ đồ 1.1: hạch toán thanh toán với khách hàng theo phương pháp khấu trừ thuế



1.2.3.2. Trường hợp doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp:

Các khoản doanh thu, thu nhập, doanh thu hàng bán bị trả lại hay giảm giá hàng bán đều bao gồm cả VAT , VAT của hàng bán ra không được hạch toán riêng.

Sơ đồ 1.2: hạch toán thanh toán với khách hàng theo phương pháp trực tiếp



1.3. Kế toán thanh toán với người bán

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ, hoặc cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

- Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ trả tiền ngay (bằng tiền mặt, tiền séc hoặc đã trả qua ngân hàng)

- Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi vào sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

- Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp ngoài hóa đơn mua hàng.

- Cuối kỳ kế toán, khi lập báo cáo tài chính cho phép lấy số dư chi tiết của tài khoản này để lập hai chỉ tiêu bên tài sản và bên nguồn vốn của bảng cân đối kế toán.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ kế toán sử dụng

1.3.2.1. Chứng từ sử dụng

- Các chứng từ về mua hàng: Hợp đồng mua bán, hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn VAT) do người bán lập, biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa; phiếu nhập kho, biên bản giao nhận TSCĐ. . .
- Chứng từ ứng trước tiền: phiếu thu (do người bán lập)
- Các chứng từ thanh toán tiền hàng mua: phiếu chi, giấy báo Nợ, séc...
- Các chứng từ có liên quan khác

Trong trường hợp doanh nghiệp muốn sử dụng loại chứng từ không có trong quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác thanh toán thì cần có văn bản cho phép của Nhà nước.

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng

- TK 331: Phải trả người bán và các tài khoản có liên quan khác.

Kết cấu của TK 331

<i>Nợ</i>	<i>TK 331</i>	<i>Có</i>
<p>Số dư đầu kỳ: Số tiền đã trả cho người bán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số phải trả người bán đã trả - Số nợ được giảm do người bán chấp nhận giảm giá, chiết khấu - Số nợ được giảm do hàng mua trả lại người bán - Số tiền ứng trước cho người bán để mua hàng - Xử lý nợ không có chủ 	<p>Sơ dư đầu kỳ: Số tiền phải trả cho người bán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số nợ phải trả phát sinh khi mua hàng - Trị giá hàng nhận theo số tiền đã ứng - Số nợ tăng do tỷ giá ngoại tệ tăng 	
<p>Số dư cuối kỳ : Số tiền ứng trước cho người bán hoặc số tiền trả thừa cho người bán</p>	<p>Số dư cuối kỳ : Số tiền cần phải trả cho người bán.</p>	

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng người bán.

1.3.2.3. Sổ kế toán sử dụng

- Các loại sổ kế toán tổng hợp
- Sổ chi tiết TK 331
- Bảng tổng hợp chi tiết TK 331

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

1.3.2.1. Trường hợp doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ

*** Trường hợp mua chịu :**

- Mua vật tư, TSCĐ: Căn cứ vào chứng từ, hóa đơn, biên bản giao nhận... kế toán ghi

Nợ TK 152, 153, 156 : Nguyên liệu, công cụ, dụng cụ thực nhập (phương pháp kê khai thường xuyên)

Nợ TK 611 : Mua hàng (phương pháp kiểm kê định kỳ)

Nợ TK 211, 213 : TSCĐ đã đưa vào sử dụng

Nợ TK 133 : Thuế (VAT) được khấu trừ

Có TK 331 : Phải trả nhà cung cấp

- Mua chịu vật tư, dịch vụ sử dụng ngay:

Nợ TK 627, 641, 642, 241, 142...

Nợ TK 133 : VAT được khấu trừ

Có TK 331 : Phải trả nhà cung cấp

- Khi trả nợ cho người bán, kế toán ghi:

Nợ TK 331 : Phải trả nhà cung cấp

Có TK 111 : Trả bằng tiền mặt

Có TK 112 : Trả bằng tiền gửi ngân hàng

Có TK 341 : Trả bằng tiền vay

- Khi được nhà cung cấp cho hưởng chiết khấu thanh toán do trả nợ sớm, kế toán ghi:

Nợ TK 331 : Phải trả nhà cung cấp

Có TK 515 : chiết khấu thanh toán được hưởng

- Khi phát sinh giảm giá, chiết khấu thương mại và trả lại hàng mua trừ vào nợ phải trả, kế toán ghi:

Nợ TK 331 : Phải trả nhà cung cấp

Có TK 152, 153 : Phương pháp KKTX

Có TK 611 : Phương pháp KKĐK

Có TK 133 : VAT được khấu trừ

*** Trường hợp ứng trước tiền mua hàng**

- Khi ứng tiền cho người bán để mua hàng:

Nợ TK 331 : Phải trả nhà cung cấp

Có TK 111, 112

- Khi nhận hàng mua theo số tiền ứng trước:

Nợ TK 152, 153, 156...nhập hàng theo phương pháp KKTX

Nợ TK 611 : nhập hàng theo phương pháp KKĐK

Nợ TK 211, 213 : mua TSCĐ

Nợ TK 133 : VAT theo phương pháp khấu trừ

Có TK 331 : Phải trả nhà cung cấp

- Thanh toán chênh lệch giữa giá trị hàng hóa nhập với số tiền ứng trước:

+ Nếu ứng trước < trị giá hàng mua đã nhập và doanh nghiệp trả số tiền còn thiếu:

Nợ TK 331 : trả nợ nhà cung cấp số thiếu

Có TK 111, 112

+ Nếu ứng trước > trị giá hàng nhập thì phải thu, khi thu ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 331 : Phải trả nhà cung cấp

- Trường hợp nợ phải trả người bán không ai đòi, kế toán ghi tăng thu nhập hoạt động khác.

Nợ TK 331 : kết chuyển xóa nợ vắng chủ.

Có TK 711 : thu nhập hoạt động khác.

*** Trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý, bán đúng giá, hưởng hoa hồng:**

- Khi bán hàng nhận đại lý, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131, . . .

Có TK 331: Phải trả cho người bán (Theo giá giao bán đại lý).

- Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, tính vào doanh thu hoa hồng về bán hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331: Phải trả cho người bán

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp (nếu có).

- Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331: Phải trả cho người bán (Giá bán trừ (-) hoa hồng đại lý)

Có các TK 111, 112, . . .

*** Trường hợp bù trừ công nợ :**

Khi một tổ chức, cá nhân (VD: công ty X) vừa là khách hàng, vừa là nhà cung cấp của doanh nghiệp, nếu có sự đồng ý của cả hai bên thì có thể bù trừ công nợ.

Căn cứ vào các chứng từ mua hàng và bán hàng cho công ty X và sổ chi tiết phải thu khách hàng - công ty X, phải trả người bán- Công ty X để xác định số tiền phải thu, phải trả.

- Trường hợp số phải thu > số phải trả

Nợ TK 331- công ty X : số tiền ghi theo số phải trả

Có TK 131- công ty X

- Trường hợp phải thu < số phải trả

Nợ TK 331- công ty X : số tiền ghi theo số phải thu

Có TK 131- công ty X

Trường hợp Y là nhà cung cấp, Z là khách hàng của doanh nghiệp nếu như Y và Z đồng ý, doanh nghiệp có thể tiến hành bù trừ công nợ. Trong trường hợp này cần phải có biên bản xác nhận về việc bù trừ công nợ, có chữ ký của các bên tham gia. Căn cứ vào biên bản, kế toán ghi:

Nợ TK 331- Y

Có TK 131- Z

*** Trường hợp thanh toán với người bán bằng ngoại tệ**

Doanh nghiệp dùng tỷ giá thực tế:

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh.

Nợ TK 152, 153, 156, 211 : tỷ giá thực tế

Nợ TK 133 : VAT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331 : phải trả cho người bán

- Khi thanh toán:

+ *Nợ TK 331 : tỷ giá ghi nhận nợ*

Nợ TK 635 : nếu lỗ về tỷ giá hối đoái

Có TK 111, 112... : số tiền đã trả theo tỷ giá xuất quỹ.

+ *Nợ TK 331 : tỷ giá ghi nhận nợ*

Có TK 111, 112... : số tiền đã trả theo tỷ giá xuất quỹ.

Có TK 515 : nếu lãi về tỷ giá hối đoái.

- Cuối niên độ kế toán, số dư các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và hạch toán như sau:

+ Nếu tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính nhỏ hơn tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán Tài khoản 331 có gốc ngoại tệ thì số chênh lệch tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có TK 413 : Chênh lệch tỷ giá hối đoái

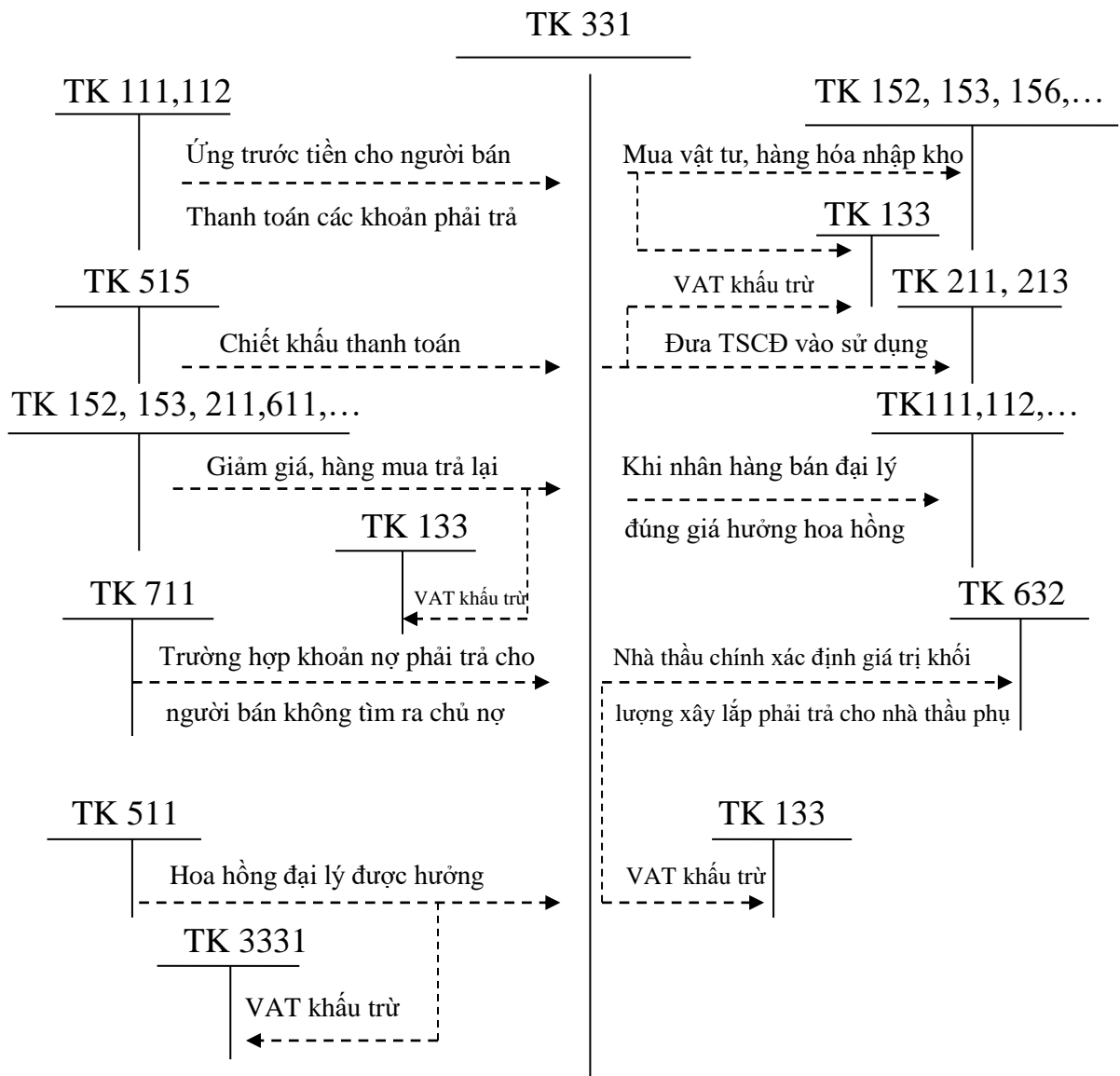
+ Nếu tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính lớn hơn tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán Tài khoản 331 có gốc ngoại tệ thì số chênh lệch tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 413 : Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 331 : Phải trả cho người bán.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái cuối niên độ

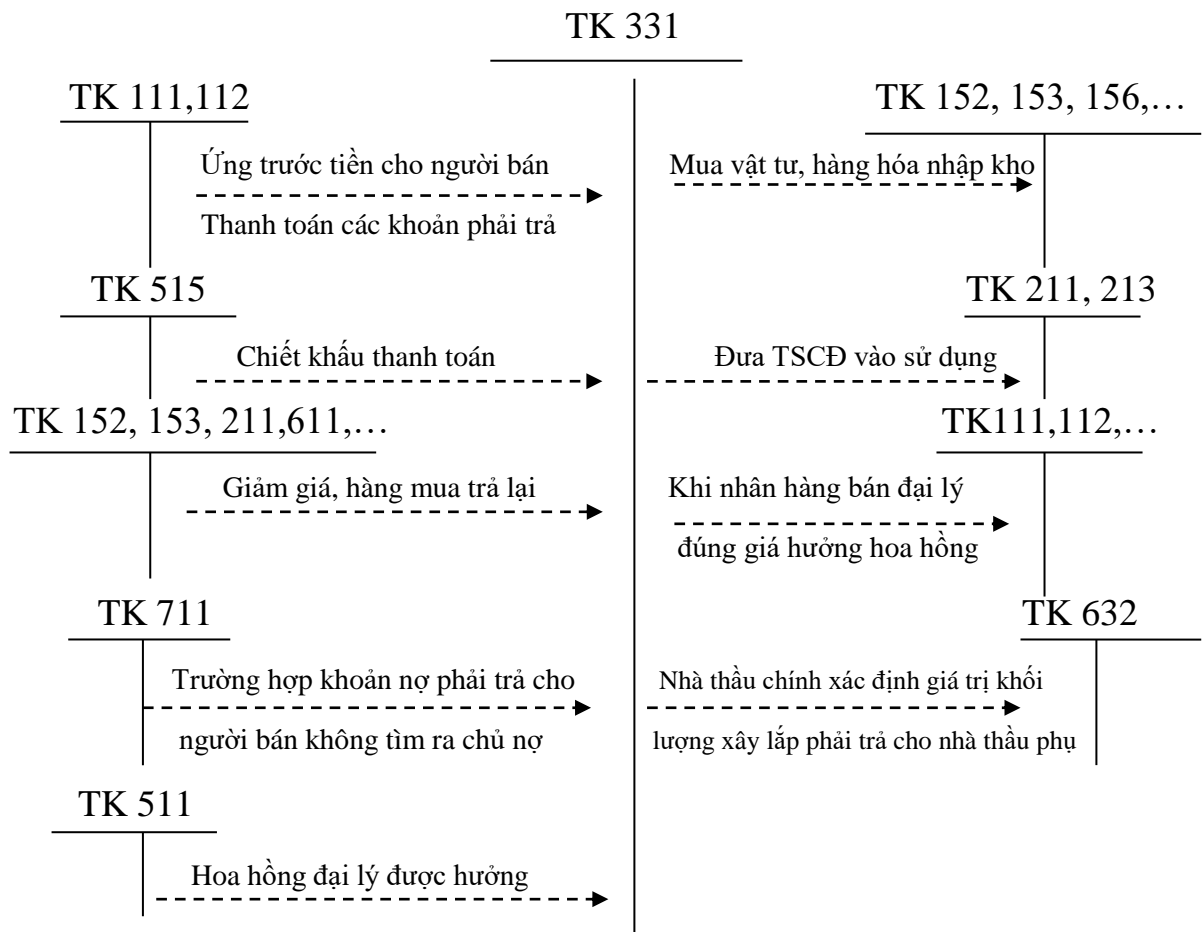
Sơ đồ 1.3: hạch toán nghiệp vụ thanh toán với người bán theo phương pháp khấu trừ thuế :



1.3.3.2. Trường hợp doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp

Nếu doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp thì không sử dụng TK133- VAT đầu vào được khấu trừ. Khi đó giá trị vật tư, hàng hóa mua vào và giá trị hàng mua trả lại là giá bao gồm cả VAT .

Sơ đồ 1.4: hạch toán nghiệp vụ thanh toán với người bán theo phương pháp trực tiếp:



1.4. Vận dụng các hình thức kế toán trong kế toán thanh toán

Có bốn loại hình thức kế toán cơ bản là :

1.4.1. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

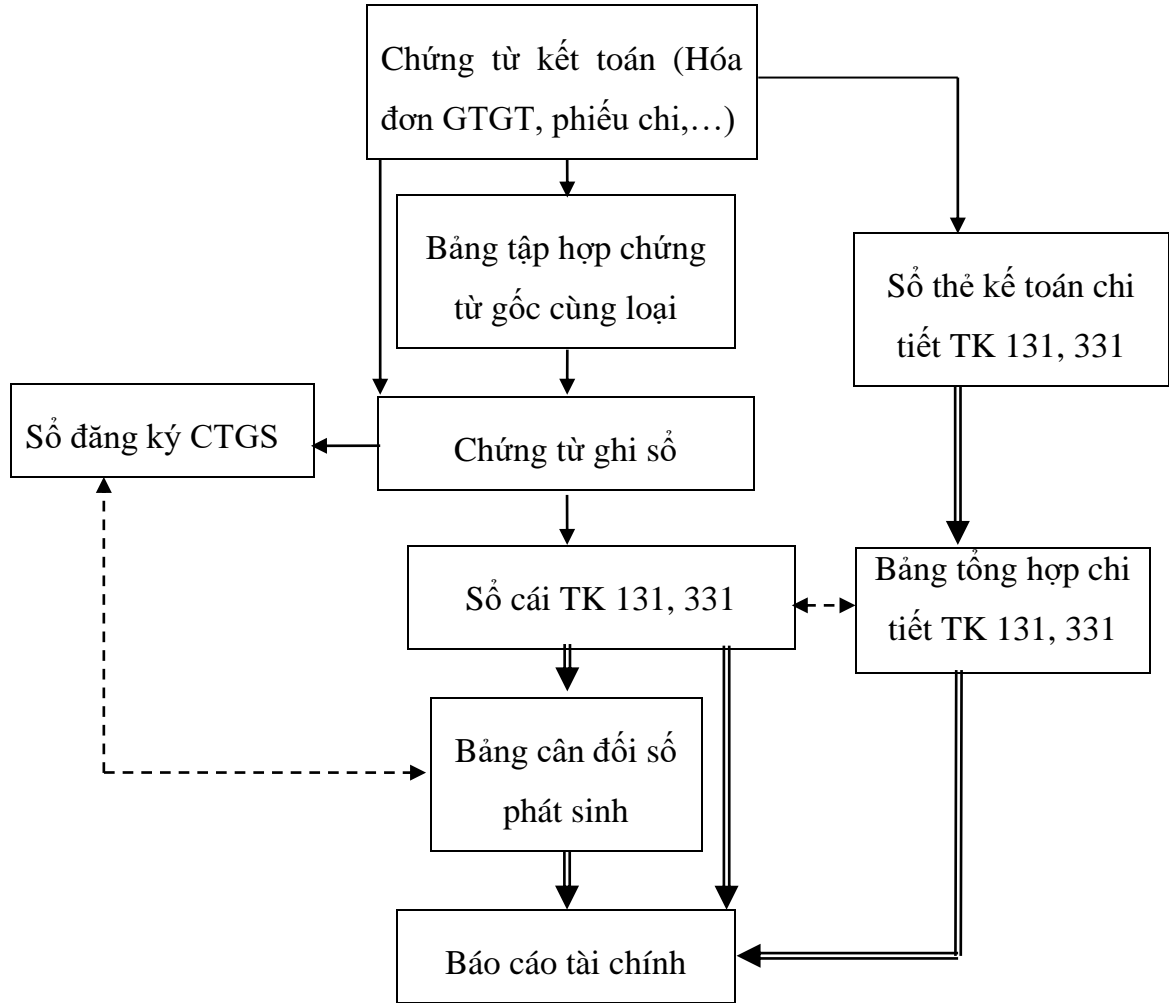
1.4.2. Kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung

1.4.3. Kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Hàng ngày hoặc định kỳ, kế toán tập hợp, phân loại chứng từ liên quan đến nghiệp vụ thanh toán. Lập bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại. Sau đó ghi vào chứng từ ghi sổ Chứng từ ghi sổ sau khi lập xong được ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu. Số hiệu của chứng từ ghi sổ chính là số thứ tự

trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Sau khi đăng ký xong, số hiệu tổng cộng trên chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ cái TK 131, TK 331. Cuối tháng, kế toán cộng sổ cái để tính số sinh và số dư cuối kỳ TK 131, TK 331. Căn cứ vào số liệu cuối tháng kế toán lập bảng cân đối tài khoản và các báo cáo kế toán.

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

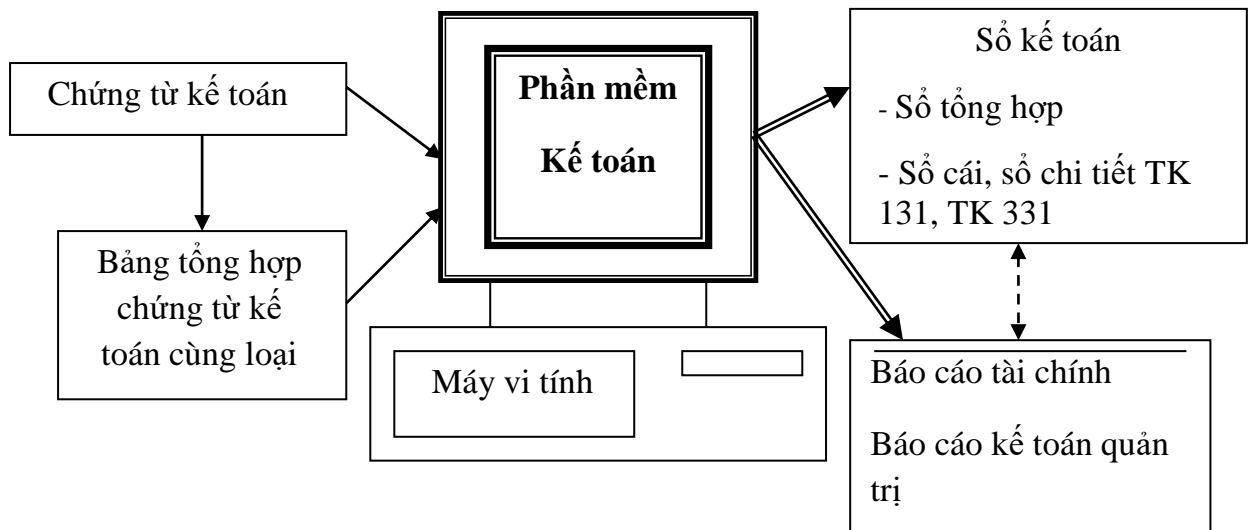
- Quan hệ đối chiếu ← - - - - - →
- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ ==>

1.4.4. Kế toán thanh toán theo hình thức kế toán máy

Công việc kế toán thanh toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán thanh toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán theo hình thức kế toán máy



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu kiểm tra ⇄

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN NGUYÊN PHÁT

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát

2.1.1.1. Giới thiệu chung

- ❖ Tên công ty viết tắt bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN NGUYÊN PHÁT**
- ❖ Tên công ty viết tắt bằng tiếng nước ngoài: **NGUYEN PHAT SHIPPING LIMITED COMPANY**
- ❖ Tên công ty viết tắt: **NGUYEN PHAT SHIPPING**
- ❖ Địa chỉ: Thôn An Trại, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- ❖ Mã số thuế: 0201294198
- ❖ Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng
- ❖ Người đại diện: Giám đốc Trần Văn Lai
- ❖ Ngành nghề kinh doanh: Chủ yếu là vận chuyển hàng hóa và một số ngành liên quan đến vận tải biển.

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển công ty:

Công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát được thành lập vào ngày 02 tháng 04 năm 2013. Là một công ty chuyên cung cấp dịch vụ vận tải biển. Hiện công ty có 1 tàu biển Nguyên Phát 369 với mức tải trọng 1200 tấn.

Mặc dù là một doanh nghiệp trẻ mới được thành lập vào năm 2013, nhưng Công ty TNHH Vận tải Biển đã tạo được cho mình một vị thế có uy tín và vững chắc trong lĩnh vực dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường thủy trên thị trường. Những năm qua, do nhận thấy tầm quan trọng cũng như tiềm năng của lĩnh vực vận chuyển hàng hóa trên đường biển... công ty đã không ngừng mở rộng và phát triển. Với phương tiện vận chuyển tốt, chuyển hàng nhanh chóng, an toàn với thái độ làm việc chăm chỉ, nghiêm túc và nhiệt tình công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát đã thực sự tạo lên thương hiệu riêng trên thị trường.

2.1.1.3. *Ngành nghề kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ của công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát*

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương – mã ngành: 5012
- Bốc xếp hàng hóa – mã ngành: 5224
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải – mã ngành: 5229

Chi tiết gồm: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuế hải quan; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ đóng gói liên quan đến vận tải; Dịch vụ môi giới thuê tàu biển; Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung)

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa – mã ngành: 5210
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan – mã ngành: 4661

Chi tiết: Bán buôn than mỏ và nhiên liệu rắn khác.

2.1.1.4. *Thuận lợi và khó khăn*

Trong những năm hoạt động vừa qua công ty đã gặp rất nhiều khó khăn nhưng bên cạnh đó công ty cũng có những mặt thuận lợi.

- *Thuận lợi:* Vận tải hàng hải là ngành kinh tế truyền thống của địa phương, thêm vào đó có vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống cảng biển khá dày đặc, giao thông đường biển thuận tiện cùng với chính sách pháp luật phù hợp và mang tính hỗ trợ phát triển ngành là những ưu thế lớn cho sự phát triển đều đặn và bền vững trong ngành vận tải biển của công ty. Thêm vào đó, Hải Phòng là thành phố có tiềm năng công nghiệp lớn, giao thông thuận tiện. Máy móc thiết bị hiện đại. Cộng thêm đội ngũ cán bộ công nhân viên dày dặn kinh nghiệm, nhiệt huyết với công việc nhưng cũng không kém phần năng động sáng tạo. Vì vậy công ty đã tạo được uy tín với các bạn hàng, các đối tác kinh doanh.

- *Khó khăn:* Khủng hoảng kinh tế ảnh hưởng đến thế giới và đất nước. Suy thoái kinh tế giai đoạn 2014 đến nay đã làm cho các đơn hàng vận tải hàng hải cũng như buôn bán của công ty bị sụt giảm, lạm phát diễn ra làm giá cả nhiên liệu, nhân công và phí tu sửa bảo dưỡng máy đều tăng. Bên cạnh đó công ty còn phải chịu áp lực cạnh tranh lớn hơn bao giờ hết trong thời kỳ khủng hoảng. Sự quá tải của kết cấu hạ tầng giao thông vận tải.

2.1.1.5. Những kết quả mà công ty đạt được trong giai đoạn 2013-2015

- Công ty vừa tăng nộp ngân sách Nhà nước, vừa hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế do thành phố và Bộ Thương mại giao cho, đóng góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước, phát triển nền kinh tế quốc dân.

- Công ty được UBND Thành phố tặng bằng khen danh hiệu đơn vị xuất sắc.

- Công ty không ngừng tìm kiếm mở rộng thị trường hoạt động và ngày càng đa dạng hóa các sản phẩm của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài nước.

- Luôn chấp hành đầy đủ, nghiêm túc nghĩa vụ về thuế, không có tình trạng trốn thuế.

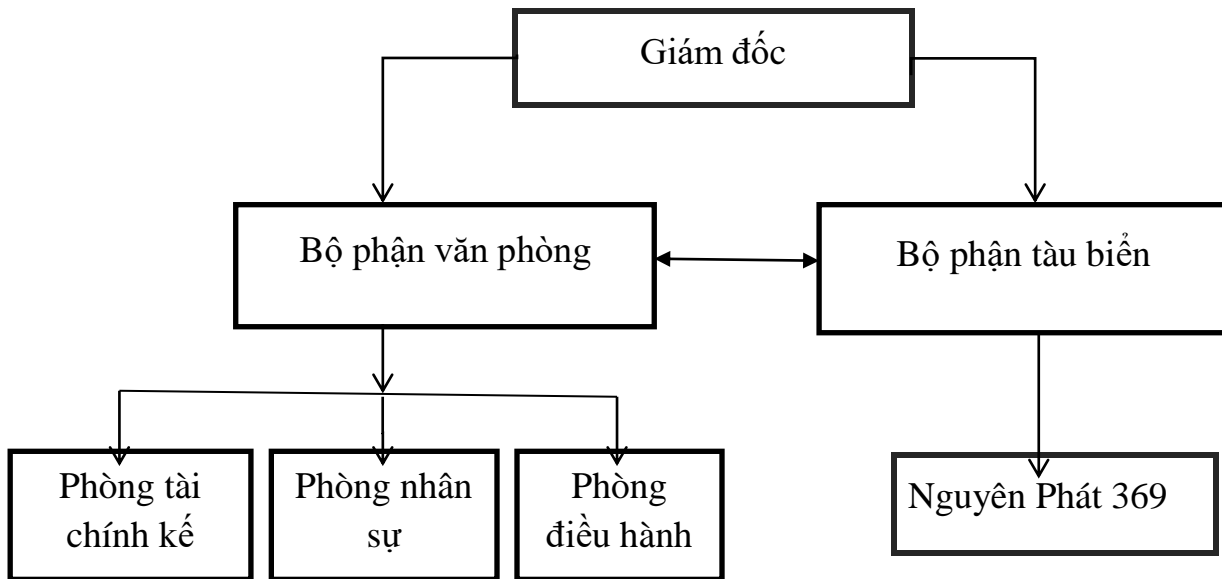
Bảng 2.1: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm 2014, 2015:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	Chênh lệch 2015 so với 2014	
			Số tiền	Phần trăm
Tổng doanh thu	11.952.210.672	10.631.563.899	(1,320,646,780)	11,05%
Tổng chi phí	11.974.035.061	10.501.213.889	(1,472,821,180)	12,30%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(21.824.389)	104.280.008	126,104,397	577,81%

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát



(Nguồn: Công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát – tổ Văn phòng, 2015)

Chú giải:

- : Quan hệ chỉ đạo
- ↔ : Quan hệ chức năng

Giám đốc là người giữ chức vụ cao nhất, chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của công ty trước pháp luật.

Trưởng bộ phận văn phòng và quản lý trực tiếp các đơn vị tàu biển trong bộ phận tàu biển thuộc công ty là người trực tiếp quản lý, điều hành bộ phận mình phụ trách và chịu trách nhiệm trước giám đốc và pháp luật về mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị mình.

Các bộ phận tại công ty:

Tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát gồm 2 bộ phận: bộ phận văn phòng và bộ phận tàu biển.

* Bộ phận văn phòng gồm 3 phòng:

+ Phòng tài chính kế toán: Quản lý công tác hành chính văn thư, bảo mật, thông tin liên lạc, đánh máy... Tổ chức công tác ghi chép ban đầu, lập, kiểm soát và quản lý các chứng từ kế toán theo đúng quy định của pháp luật. Lập và quản lý các sổ sách kế toán theo quy định của chế độ Tài chính – Kế toán hiện hành. Lập, trình ký, chuyển nộp các báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê định kỳ theo chế độ Tài chính – Kế toán hiện hành.

+ Phòng nhân sự: tham mưu bố trí sử dụng lao động, chi trả thù lao cho lao động, thực hiện giải quyết các thủ tục, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn vệ sinh lao động trong công ty.

+ Phòng điều hành: Tham mưu cho giám đốc về điều hành nội bộ, về hoạch định, thiết lập, phổ biến, triển khai chính sách, mục tiêu của công ty. Chịu trách nhiệm lập kế hoạch, chỉ đạo kinh doanh, theo dõi tiến độ kinh doanh, tìm nguyên nhân, đề xuất biện pháp điều chỉnh khắc phục, phòng ngừa kịp thời. Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận trong công ty. Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đảm bảo hiệu quả, đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định tình hình công nợ theo các hợp đồng kinh tế đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Chịu trách nhiệm lập kế hoạch kinh doanh, triển khai nhiệm vụ cho các bộ phận, lên kế hoạch cho phương hướng trong kỳ kinh doanh tiếp theo. Nắm bắt và tổng hợp tình hình kinh doanh của công ty.

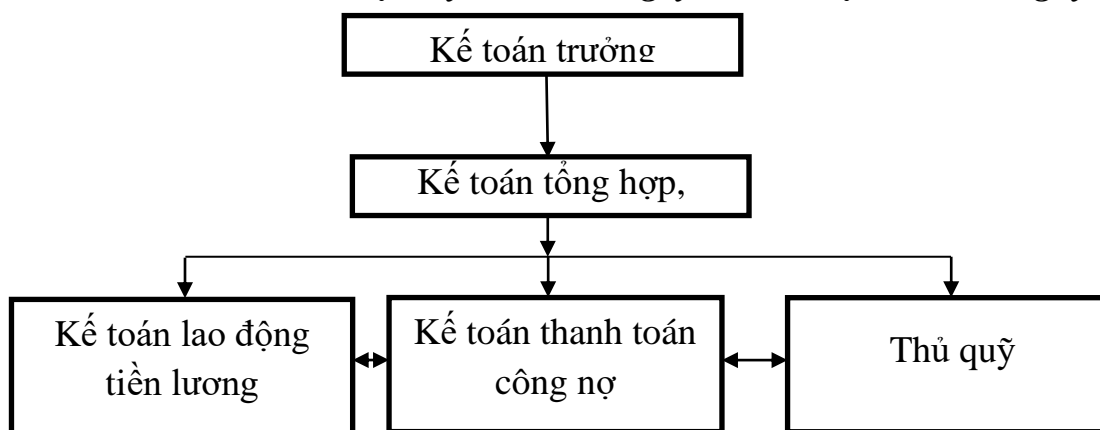
* Bộ phận tàu biển gồm 1 đơn vị tàu biển: tàu biển Nguyên Phát 369. Đây là bộ phận lao động trực tiếp tại doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện các hải trình, thực hiện các công việc phục vụ hải trình, đảm bảo thực hiện công việc chất lượng và đúng tiến độ.

+ Tàu Nguyên Phát 369: Tải trọng 1200 tấn, đội ngũ thủy thủ chính thức trên tàu gồm 09 người.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát.



(Nguồn: Công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát – tổ Kế Toán, 2015)

Chú giải:

→ : Quan hệ chỉ đạo

↔ : Quan hệ chức năng

2.1.3.2. Chức năng của từng bộ phận:

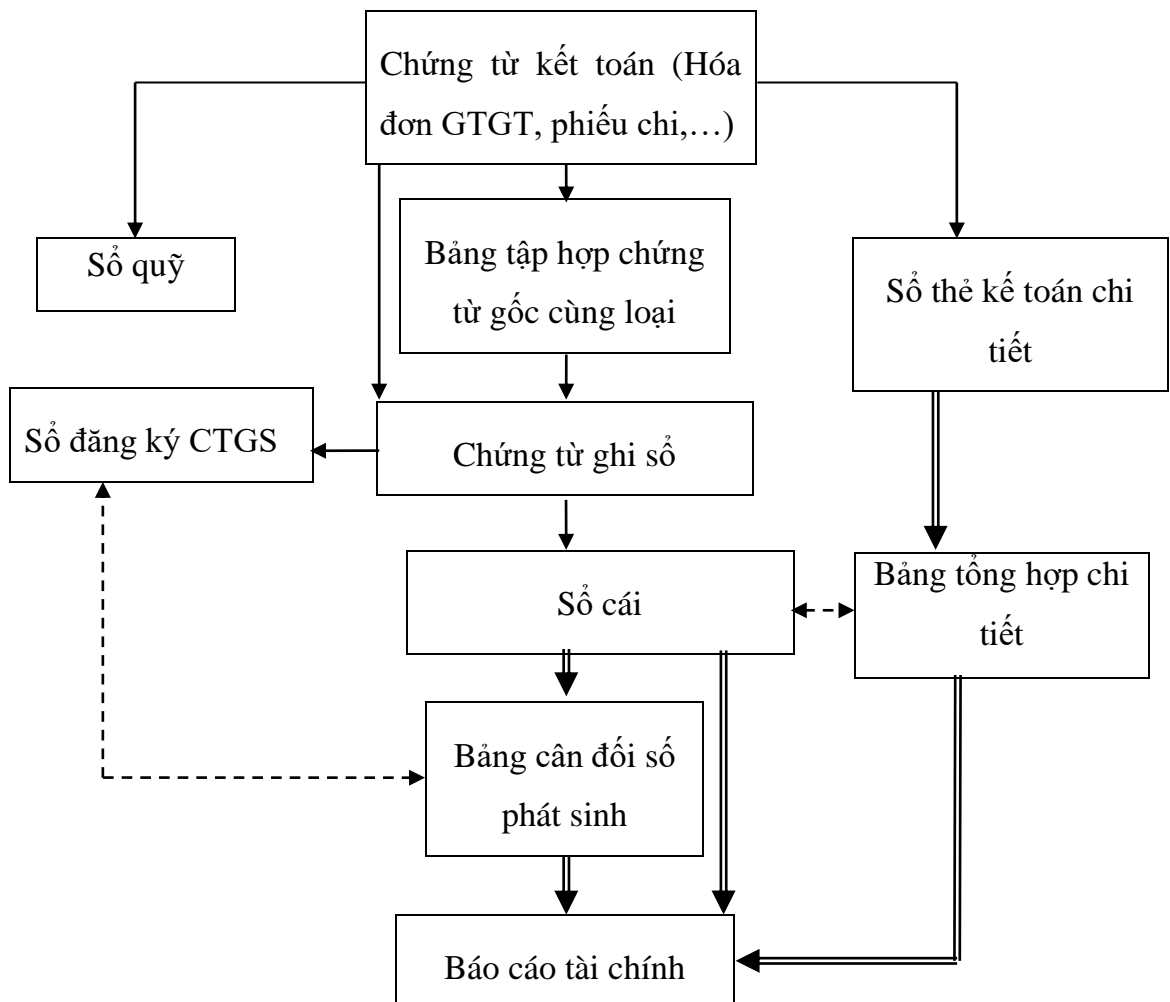
- *Kế toán trưởng*: là người được bổ nhiệm theo quyết định của giám đốc công ty, có trách nhiệm đôn đốc các kế toán viên làm việc có hiệu quả. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của công ty và chịu sự điều hành của giám đốc.
- *Kế toán tổng hợp*:
 - + Kiểm tra định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
 - + Kiểm tra sự chính xác giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp
 - + Kiểm tra số dư cuối kỳ có hạch toán đúng và khớp với báo cáo chi tiết hay không.
 - + Hạch toán thu nhập, chi phí khấu hao, TSCĐ, công nợ, thuế GTGT, báo cáo thuế,...
 - + Lập báo cáo tài chính theo từng tháng, quý, năm.
 - + Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định
- *Kế toán lao động tiền lương*:
 - + Theo dõi, tính và chi trả lương
 - + Các khoản phải trả công nhân viên hay các cơ quan bảo hiểm
- *Kế toán thanh toán công nợ*:
 - + Theo dõi công nợ của công ty, đảm bảo thu hồi vốn nhanh chóng, thanh toán nhanh cho các chủ nợ, giúp vòng quay vốn diễn ra nhanh hơn.
 - + Theo dõi việc nhập – xuất nguyên vật liệu.
 - + Lập bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- *Thủ quỹ*:
 - + Đối chiếu các phiếu thu – phiếu chi của các chứng từ hợp lý với sổ quỹ tiền mặt để đảm bảo chính xác.
 - + Quản lý kết bạc của công ty, quản lý tiền mặt, các chứng từ tương đương tiền của công ty.
 - + Theo dõi tài khoản Tiền gửi ngân hàng của công ty.

2.1.3.3 : Chế độ và các chính sách kế toán tại doanh nghiệp.

Công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành, chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các chứng từ, sổ sách kế toán đều tuân thủ theo đúng quy trình của nhà nước, lập theo mẫu sẵn của Bộ Tài chính ban hành.

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 đến ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng(áp dụng trong năm kế toán): Việt Nam đồng
- Hình thức kế toán: hình thức Chứng từ ghi sổ
- Công ty áp dụng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:
 - + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc
 - + Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp nhập trước xuất trước
 - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao tài sản đang áp dụng: phương pháp khấu hao đều.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

- Quan hệ đối chiếu ←-----→
- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ ==>

➤ *Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:*

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ

Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số theo quý (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

➤ *Nguyên tắc:*

- Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và tổng số dư có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát

2.2.1. Đặc điểm phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH vận tải Biển Nguyên Phát

2.2.1.1. Đặc điểm phương thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH vận tải Biển Nguyên Phát

Nghiệp vụ thanh toán là mối quan hệ của doanh nghiệp với các đối tượng trong và ngoài doanh nghiệp về các khoản phải thu, phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Là một doanh nghiệp có quy mô nhỏ nên nghiệp vụ thanh toán của công ty cũng không quá phức tạp và đa dạng.

Trong tất cả các quan hệ thanh toán kể trên thì quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với người mua, người bán có vai trò hết sức quan trọng và diễn ra thường xuyên nhất trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tình hình thanh toán của doanh nghiệp đối với khách hàng và nhà cung cấp thường được ban lãnh đạo công ty rất chú ý. Báo cáo quản trị chi tiết về tình hình công nợ chính là báo cáo quan trọng và không thể thiếu được trong hệ thống báo cáo của công ty.

2.2.1.2. Hình thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát

Do công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải biển nên các nghiệp vụ thanh toán cũng có ý nghĩa quan trọng. Các nghiệp vụ thanh toán với người bán, thanh toán với khách hàng là các nghiệp vụ thường xuyên diễn ra đòi hỏi có sự tổ chức công tác một cách hợp lý và có hiệu quả.

Tất cả nhà cung cấp và khách hàng của công ty đều là trong nước nên không phát sinh ngoại tệ.

a. Các chứng từ và sổ sách sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu báo có, báo nợ ngân hàng
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ chi tiết, sổ cái
- Các chứng từ có liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng

- TK 131: Phải thu của khách hàng
- TK 331: Phải trả cho người bán
- Các tài khoản có liên quan khác

c. Quy trình ghi sổ kế toán thanh toán

Đúng theo quy trình ghi sổ của hình thức Chứng từ ghi sổ.

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát

2.2.2.1. Các chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, hóa đơn GTGT, giấy báo có và các chứng từ liên quan khác.

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- TK 131: Phải thu khách hàng và các tài khoản khác có liên quan

2.2.2.3. Một số nghiệp vụ phát sinh

Ví dụ 1: Ngày 22 tháng 10 năm 2015 Công ty nhận chở hàng cho công ty CP VTB Đại Trung Nguyên từ Quảng Bình vào Vĩnh Long, số tiền cước vận chuyển là 280.720.000 đồng (chưa VAT 10%).

Kế toán định khoản:

Nợ TK 131: 308.792.000

Có TK 511: 280.720.000

Có TK 333: 28.072.000

Kế toán căn cứ vào hợp đồng vận chuyển (biểu số 2.1) , HĐ GTGT(biểu số 2.2) kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại quý IV/2015 (biểu số 2.3) đồng thời ghi sổ chi tiết TK131(biểu số 2.15) . Từ bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại kế toán lập chứng từ ghi sổ số 1/12(biểu số 2.4). Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.14). Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK131 lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.17)

Biểu số 2.1: Hợp đồng vận chuyển số 76

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ

Số: 76 /HDVC/ ĐTN- VD

- Căn cứ vào pháp lệnh hợp đồng kinh tế do Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam ký ngày 25/09/1989 và nghị định số 17/HĐBT ngày 16/01/1999 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Căn cứ vào nhu cầu vận chuyển hàng hóa và khả năng cung cấp phương tiện vận chuyển của các bên.

- Căn cứ vào Bộ luật Hàng Hải Việt Nam.

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2015. Chúng tôi gồm có:

BÊN A(Bên thuê vận chuyển): CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN ĐẠI TRUNG NGUYỄN

Địa chỉ : 28/91 Võ Duy Ninh - P.22 Q. Bình Thạnh - TP.HCM

Điện thoại : 08.62945813/814 - Fax: 08.62582084

Tài khoản : 102010002424734 ngân hàng Công Thương CN 1 Tp. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0311410513

Đại diện : Bà Hoàng Thị Nhị Chức vụ : *Giám đốc*

BÊN B (Bên vận chuyển) : CÔNG TY TNHH VTB NGUYỄN PHÁT

Địa chỉ : An Trại – An Lư – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Điện thoại : Fax:

Tài khoản : 102010001452330 tại ngân hàng Công Thương CN Hải Phòng

Mã số thuế : 0201294198

Đại diện : Ông Trần Văn Lai Chức vụ : *Giám đốc*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa theo các điều khoản sau:

1. Tên tàu: NGUYỄN PHÁT 369 Quốc tịch: Việt Nam Trọng tải: 1200 tấn
2. Tên hàng: Clinker rời để sản xuất xi măng Số lượng: 1100 tấn
3. Cảng xếp/dỡ hàng: Cảng Hòn La - Quảng Bình / Cảng Vĩnh Thái – Vĩnh Long
4. Thời gian dự kiến xếp hàng: 24/10/2015

5. **Mức xếp/dỡ:** 08 ngày hai đầu bến. Ngày làm việc 24/24 giờ liên tục trong điều kiện thời tiết tốt, tính cả ngày chủ nhật, ngày lễ .

6. **Mức phạt dôi nhật và phí lưu tàu:** 10.000.000đồng/ngày (Ngày làm việc 24/24 giờ liên tục trong điều kiện thời tiết tốt, tính cả ngày chủ nhật, ngày lễ)

7. **Cước phí: 280.720 đồng/tấn** (Hai trăm tám mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng trên tấn) đã bao gồm cước vận chuyển đường biển, giao nhận và thuế VAT.

8. Thanh toán:

- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 50% tiền cước vận chuyển sau khi tàu xếp xong hàng tại cảng xếp (hoặc cấp dầu, số tiền cấp dầu được trừ vào cước phí vận chuyển) Số tiền còn lại được thanh toán sau khi bên B giao xong hàng và giấy tờ liên quan của lô hàng, hóa đơn vận chuyển GTGT bản gốc cho bên A, hoặc sau 1 đến 2 tháng.

9. Trách nhiệm mỗi bên:

a. Trách nhiệm bên A:

- Đảm bảo tính pháp lý của hàng hóa xếp xuống tàu.
- Mua bảo hiểm hàng hóa
- Chịu toàn bộ chi phí bốc/ xếp tại hai đầu bến.
- Chịu trách nhiệm chèn lót, chằng buộc theo yêu cầu của tàu đảm bảo an toàn cho hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

b. Trách nhiệm bên B:

- Phương tiện vận chuyển phải đầy đủ giấy tờ hợp lệ như giấy chứng nhận cấp tàu, giấy chứng nhận khả năng đi biển, bảo đảm hành hải. Mua bảo hiểm tàu biển và bảo hiểm P&I. Nếu không có đủ các điều kiện này thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
- Phát hành Phiếu vận chuyển hàng hóa được ký phát bởi Thuyền trưởng cho bên A.
- Chịu trách nhiệm bảo quản an toàn hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển. Nếu để hàng hoá bị hư hỏng, mất mát, móp méo thì phải có trách nhiệm bồi thường theo giá bán tại Cảng dỡ.
- Đảm bảo cho hàng hóa phải sạch sẽ, khô ráo, không móp méo trong suốt quá trình vận chuyển.
- Có trách nhiệm đưa hàng hoá đến đúng nơi an toàn tại điều 3.
- Đại lý hai đầu bến do bên B chỉ định và chịu chi phí. Chịu trách nhiệm thu xếp cầu bến 2 đầu cảng xếp và cảng dỡ.

- Thông báo cho bên A thời gian lịch tàu chạy trước 72h/48h/24h trước khi tàu đến cảng xếp/dỡ cho bên A có kế hoạch xếp/dỡ hàng hóa.
- Nếu tàu không đến cảng xếp hàng theo thỏa thuận thì bên B phải bồi thường thiệt hại cho bên A là 100 % giá cước của chuyến hàng trên.

10. Các điều khoản khác:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có trường hợp bất khả kháng xảy ra thì lập biên bản hiện trường có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm cơ sở giải quyết hậu quả theo Pháp luật.
- Những điều không ghi trong hợp đồng thì áp dụng theo Bộ luật Hàng hải Việt Nam.
- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong HĐVC này, bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm về mọi phí tổn theo pháp lệnh HĐKT hiện hành.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có tranh chấp, trở ngại gì hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không thương lượng được thì đưa ra toà án kinh tế TP. HCM để giải quyết theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. Ký qua fax có giá trị như bản chính.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000072

HOÁ ĐƠN GTGT

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: Hạch toán nội bộ

Ký hiệu: AA/15P

Ngày 30 tháng 10 năm 2015

Số: **0000072**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN NGUYÊN PHÁT.**

Mã số thuế: **0201294198**

Địa chỉ: Thôn An Trại, Xã An Lư, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng.

Điện thoại:

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **Công ty CP Vận tải Biển Đại Trung Nguyên**

Mã số thuế: 0311410513

Địa chỉ: 28/91 Võ Duy Ninh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức thanh toán: Chuyển Khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Cước vận chuyển	Tấn	1100	255.200	280.720.000

Cộng tiền hàng 280.720.000

Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT: 28.072.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 308.792.000

Số tiền viết bằng chữ: *ba trăm linh tám triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn./*

Người mua hàng

Người bán hàng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.3: Bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại quý IV/2015

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

BẢNG TẬP HỢP CÁC CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Quý IV năm 2015

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 131	Ghi có các TK	
	Số HĐ	Ngày			TK 511	TK 333
					
03	0000068	21/10/15	Cước vận chuyển	340,746,476	309,769,524	30,976,952
04	0000072	30/10/15	Cước vận chuyển	308,792,000	280,720,000	28,072,000
05	0000070	11/11/15	Cước vận chuyển	260,000,000	236,363,636	23,636,364
06	0000071	19/11/15	Cước vận chuyển	1,100,000,000	1,000,000,000	100,000,000
					
			Cộng	3,770,567,543	3,427,788,676	342,778,867

Hải phòng ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.4: Chứng từ ghi sổ số 01/12

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Mẫu số: S02a – DNN

Chứng từ ghi sổ

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Số : 01/12

ngày 14/09/2006

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp cước vận chuyển quý IV/2015	131	511	3,427,788,676	
	131	333	342,778,867	
Cộng			3,770,567,543	

Kèm theo Chứng từ gốc

Người lập

Kế toán trưởng

Ví dụ 2: Ngày 24 tháng 10 năm 2015 công ty CP VTB Đại Trung Nguyên nhận đổ dầu cho tàu Nguyên Phát 369 của công ty chở hàng cho họ. Số tiền đổ dầu là 154.396.000 (đã bao gồm cả VAT 10%)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 154: 140.360.000

Nợ TK 133: 14.036.000

Có TK 131: 154.396.000

Kế toán căn cứ vào biên bản thỏa thuận 3 bên (biểu số 2.5) và hóa đơn GTGT (biểu số 2.6) kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại quý IV/2015 (biểu số 2.7) đồng thời vào sổ chi tiết TK 131 (biểu số 2.15). Từ bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại kế toán lập chứng từ ghi sổ số 06/12 (biểu số 2.8). Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 131 (Biểu số 2.14). Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK131 lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.17)

Biểu số 2.5: Biên bản thỏa thuận 3 bên

**CÔNG TY CP VTB
ĐẠI TRUNG NGUYÊN**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc.**

-----***-----

BIÊN BẢN THỎA THUẬN

(V/v : Thanh toán cản trừ cước vận chuyển)

Số : 02.01/15

- Căn cứ vào luật thương mại số 36/2005 ngày 14/06/2005 có hiệu lực ngày 01/01/2006
- Căn cứ theo hợp đồng vận chuyển số 76/HĐVC-DV giữa Công ty CP VTB Đại Trung Nguyên và Công ty TNHH Vận tải biển Nguyên Phát.
- Căn cứ vào tính chất công việc và thỏa thuận nhất trí giữa các Công ty.
- Căn cứ vào nhu cầu của các bên.

Hôm nay ngày 24 tháng 10 năm 2015.

Bên A : Công ty CP VTB Đại Trung Nguyên (Bên thuê vận chuyển).

Địa chỉ : 28/91 Võ Duy Ninh - P.22 Q. Bình Thạnh - TP.HCM

Điện thoại : 08.62945813/814 - Fax: 08.62582084

Tài khoản : 102010002424734 ngân hàng Công Thương CN 1 Tp. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0311410513

Đại diện : **Bà Hoàng Thị Nhị** Chức vụ : **Giám đốc**

Bên B : Công ty TNHH vận tải biển Nguyên Phát (Bên vận chuyển)

Địa chỉ : An Trại – An Lư – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Điện thoại : Fax:

Tài khoản : 102010001452330 tại ngân hàng Công Thương CN Hải Phòng

Mã số thuế : 0311410513

Đại diện : **Ông Trần Văn Lai** Chức vụ : **Giám đốc**

Bên C : Cty TNHH xăng dầu Thịnh Long (Bên cung cấp dầu)

Địa chỉ : Phòng 1507, tòa nhà Cát Bi Plaza, số 1 Lê Hồng Phong, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng Việt Nam

Mã số thuế : 0201148895

Đại diện : **Ông Đặng Kỳ Lân** Chức vụ : **Phó giám đốc**

Ba bên cùng nhau thỏa thuận với các nội dung như sau :

Ngày 23/10/2015 Công ty CP VTB Đại Trung Nguyên đã đề nghị Công ty TNHH xăng dầu Thịnh Long, cấp dầu cho tàu Nguyên Phát 369 với số lượng và đơn giá cụ thể như sau :

Số TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Dầu DO 0,25%S	Lít	10.211	15.120,556	154.396.000
	Cộng				154.396.000

(Bằng chữ :Một trăm năm mươi tư triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn).

Tổng trên đã bao gồm cả VAT.

Nay Công ty CP VTB Đại Trung Nguyên làm biên bản thỏa thuận này đề nghị Công ty TNHH xăng dầu Thịnh Long xuất hóa đơn trực tiếp cho Công ty TNHH VTB Nguyên Phát. Tiền dầu Công ty CP VTB Đại Trung Nguyên sẽ thanh toán trả cho Công ty TNHH xăng dầu Thịnh Long và Công ty CP VTB Đại Trung Nguyên sẽ khấu trừ trực tiếp vào cước vận chuyển tàu Nguyên Phát 369 của hợp đồng vận chuyển số 76/HĐVC giữa Cty TNHH VTB Nguyên Phát và Công ty CP VTB Đại Trung Nguyên ký ngày 22/10/2015. và biên bản thỏa thuận này là một phần không thể tách rời của hợp đồng vận chuyển số 76/HĐVC, ngày 22/10/2015.

Biên bản thỏa thuận này được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau kể từ ngày ký. Biên bản thỏa thuận được ký qua fax và có giá trị như ký trực tiếp cùng nội dung.

**Cty CP VTB
Đại Trung Nguyên**

**Cty TNHH VTB
Nguyên Phát**

**Cty TNHH xăng dầu
Thịnh Long**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6: Hóa đơn GTGT số 0001197

HOÁ ĐƠN GTGT

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu: AA/15P

Ngày 24 tháng 10 năm 2015

Số: **0001197**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU THỊNH LONG					
Mã số thuế: 0201148895					
Địa chỉ: Phòng 1507, tòa nhà Cát Bi Plaza, Số 1 Lê Hồng Phong, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại: 0313.833.899					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Vận tải biển Nguyên Phát					
Mã số thuế: 0201294198					
Địa chỉ: Thôn An Trại, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, Hải PHÒNG.					
Hình thức thanh toán: Đối trừ CN, CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Dầu DO	Lít	10.211	13.745,960	140.360.000
Cộng tiền hàng 140.360.000					
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT: 14.036.000					
Tổng cộng tiền thanh toán: 154.396.000					
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm năm mươi tư triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn./					

Người mua hàng

Người bán hàng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.7: Bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại quý IV/2015

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI

Quý IV năm 2015

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 131	Ghi nợ các TK	
	Số HĐ	Ngày			TK 154	TK 133
01	0001197	24/10/15	Mua dầu ĐTCN	154,396,000	140,360,000	14,036,000
02	0000134	12/11/15	Mua dầu ĐTCN	200,550,000	182,318,182	18,231,818
			Cộng	354,946,000	322,678,182	32,267,818

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.8: Chứng từ ghi sổ số 06/12

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Chứng từ ghi sổ
Số : 06/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số: S02a – DNN
Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp mua dầu ĐTCN	154	131	322,678,182	
	133	131	32,267,818	
Cộng			354,946,000	

Kèm theo Chứng từ gốc

Người lập

Kế toán trưởng

Ví dụ 3: Ngày 25 tháng 11 năm 2015 công ty nhận vận chuyển hàng cho công ty CP Quảng Hà từ Đà Nẵng ra Trường Sa, tiền cước vận chuyển là 240.350.429 đồng (chưa VAT 10%).

Kế toán định khoản:

Nợ TK 131: 264.385.472

Có TK 511: 240.350.429

Có TK 333: 24.035.043

Biểu số 2.9: Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 82

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ

Số: 82 /HĐVC/ ĐTN- VD

- Căn cứ vào pháp lệnh hợp đồng kinh tế do Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam ký ngày 25/09/1989 và nghị định số 17/HĐBT ngày 16/01/1999 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Căn cứ vào nhu cầu vận chuyển hàng hóa và khả năng cung cấp phương tiện vận chuyển của các bên.

- Căn cứ vào Bộ luật Hàng Hải Việt Nam.

Hôm nay, ngày 25 tháng 11 năm 2015. Chúng tôi gồm có:

BÊN A(Bên thuê vận chuyển): CÔNG TY CP QUẢNG HÀ

Địa chỉ : Tổ 133 Mỹ An, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Điện thoại : 05113956759 - Fax:

Tài khoản : 001547557022132 ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu Chi nhánh Đà Nẵng

Mã số thuế : 0401284165

Đại diện : Ông Nguyễn Công Thuận Chức vụ : Giám đốc

BÊN B (Bên vận chuyển) : CÔNG TY TNHH VTB NGUYỄN PHÁT

Địa chỉ : An Trại – An Lư – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Điện thoại : Fax:

Tài khoản : 102010001452330 tại ngân hàng Công Thương CN Hải Phòng

Mã số thuế : 0201294198

Đại diện : Ông Trần Văn Lai Chức vụ : Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa theo các điều khoản sau:

1. **Tên tàu: NGUYỄN PHÁT 369** **Quốc tịch: Việt Nam** **Trọng tải: 1200 tấn**
2. **Tên hàng:** Vật liệu xây dựng **Số lượng:** 1000 tấn
3. **Cảng xếp/dỡ hàng:** Cảng Đà Nẵng / Đảo Trường Sa
4. **Thời gian dự kiến xếp hàng:** 27/11/2015
5. **Mức xếp/dỡ:** 08 ngày hai đầu bến. Ngày làm việc 24/24 giờ liên tục trong điều kiện thời tiết tốt, tính cả ngày chủ nhật, ngày lễ .
6. **Mức phạt dôi nhật và phí lưu tàu:** 10.000.000đồng/ngày (Ngày làm việc 24/24 giờ liên tục trong điều kiện thời tiết tốt, tính cả ngày chủ nhật, ngày lễ)
7. **Cước phí: 264.385,472 đồng/tấn** (Một trăm mười chín nghìn đồng trên tấn) đã bao gồm cước vận chuyển đường biển, giao nhận và thuế VAT.

8. Thanh toán:

- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 50% tiền cước vận chuyển sau khi tàu xếp xong hàng tại cảng xếp (hoặc cấp dầu, số tiền cấp dầu được trừ vào cước phí vận chuyển) Số tiền còn lại được thanh toán sau khi bên B giao xong hàng và giấy tờ liên quan của lô hàng, hóa đơn vận chuyển GTGT bản gốc cho bên A. Hoặc sau từ 1 đến 2 tháng.

9. Trách nhiệm mỗi bên:

a. Trách nhiệm bên A:

- Đảm bảo tính pháp lý của hàng hóa xếp xuống tàu.
- Mua bảo hiểm hàng hóa
- Chịu toàn bộ chi phí bốc/ xếp tại hai đầu bến.
- Chịu trách nhiệm chèn lót, chằng buộc theo yêu cầu của tàu đảm bảo an toàn cho hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

b. Trách nhiệm bên B:

- Phương tiện vận chuyển phải đầy đủ giấy tờ hợp lệ như giấy chứng nhận cấp tàu, giấy chứng nhận khả năng đi biển, bảo đảm hành hải. Mua bảo hiểm tàu biển và bảo hiểm P&I. Nếu không có đủ các điều kiện này thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
- Phát hành Phiếu vận chuyển hàng hóa được ký phát bởi Thuyền trưởng cho bên A.
- Chịu trách nhiệm bảo quản an toàn hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển. Nếu để hàng hoá bị hư hỏng, mất mát, móp méo thì phải có trách nhiệm bồi thường theo giá bán tại Cảng dỡ.

- Đảm bảo cho hàng hóa phải sạch sẽ, khô ráo, không móp méo trong suốt quá trình vận chuyển.
- Có trách nhiệm đưa hàng hoá đến đúng nơi an toàn tại điều 3.
- Đại lý hai đầu bến do bên B chỉ định và chịu chi phí. Chịu trách nhiệm thu xếp cầu bến 2 đầu cảng xếp và cảng dỡ.
- Thông báo cho bên A thời gian lịch tàu chạy trước 72h/48h/24h trước khi tàu đến cảng xếp/dỡ cho bên A có kế hoạch xếp/dỡ hàng hóa.
- Nếu tàu không đến cảng xếp hàng theo thỏa thuận thì bên B phải bồi thường thiệt hại cho bên A là 100 % giá cước của chuyến hàng trên.

10. Các điều khoản khác:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có trường hợp bất khả kháng xảy ra thì lập biên bản hiện trường có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm cơ sở giải quyết hậu quả theo Pháp luật.
- Những điều không ghi trong hợp đồng thì áp dụng theo Bộ luật Hàng hải Việt Nam.
- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong HĐVC này, bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm về mọi phí tổn theo pháp lệnh HĐKT hiện hành.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có tranh chấp, trở ngại gì hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không thương lượng được thì đưa ra toà án kinh tế TP. HCM để giải quyết theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. Ký qua fax có giá trị như bản chính.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Sau khi kí kết Hợp đồng vận chuyển số 82 (biểu số 2.9) công ty CP Quảng Hà ứng trước 50% tổng số tiền cước vận chuyển cho công ty. Tổng số tiền ứng trước là 132.192.736 đồng bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 154.396.000

Có TK 131: 154.396.000

Kế toán căn cứ vào Hợp đồng vận chuyển (biểu số 2.9), Phiếu báo có (biểu số 2.10) kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại quý IV/2015 (biểu số 2.11) đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131 (biểu số 2.16). Từ bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại kế toán lập chứng từ ghi sổ số 03/12 (biểu số 2.12). Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.14). Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK131 lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.17)

Biểu số 2.10: Phiếu báo Có ngân hàng

NGÂN HÀNG TM CP Á CHÂU	MST KH : 0201294198
	MST NH: 0100283873-004
PHIEU BAO CO	
Ngày: 25/11/2015	Số: 112
Ma giao dich: FT 14344086201211	
Tai khoan/khach hang : 0031000228336	
Tai khoan No	Du dau : 5,352,869
CTY TNHH VAN TAI BIEN NGUYEN PHAT	Du cuoi: :
137,545,605	
Tai khoan Co:	
KHACH HANG CHUYEN TIEN	

So tien bang chu: MOT TRAM BA MUOI HAI TRIEU,	So tien: 132,192,736
MOT TRAM CHIN MUOI HAI NGHIN,	
BAY TRAM BA MUOI SAU DONG.	
Dien giai: Cong ty CP Quang Ha thanh toan cuoc van tai bien Da Nang Truong Sa cho cong ty TNHH VTB Nguyen Phat	
KE TOAN VIEN	KIEM SOAT
	KE TOAN TRUONG

Biểu số 2.11: Bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI

Quý IV năm 2015

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 112	Ghi có TK 131
	Số hiệu	Ngày tháng			
				
6	PBC 112	25/11/15	Cty Đại Trung Nguyên trả cước	154,396,000	154,396,000
				
			Cộng	2,381,327,543	2,381,327,543

Hải Phòng ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.12: Chứng từ ghi sổ số 03/12

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Chứng từ ghi sổ

Số : 03/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số: S02a – DNN

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Khách hàng trả cước	112	131	2,381,327,543	
Cộng			2,381,327,543	

Kèm theo Chứng từ gốc

Người lập

Kế toán trưởng

Cuối kỳ từ những chứng từ ghi sổ đã lập kế toán tập hợp ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu số 2.13).

Biểu số 2.13: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ quý IV/2015

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Mẫu số: S02b – DNN

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Quý IV/Năm 2015

ngày 14/9/2006

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
01/12	31/12/2015	3,770,567,543
.....		
03/12	31/12/2015	2,381,327,543
.....		
06/12	31/12/2015	354,946,000
.....		
Cộng		18,430,977,215

- Sổ này có 01. trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.14: Sổ cái TK 131

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Mẫu số: S02c1 – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Năm: 2015

Tên TK: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Dư đầu kỳ		231,456,421		
						
			Quý IV/2015				
						
31/12/15	01/12	31/12/15	Tổng hợp cước vận chuyển quý IV/2015	511 333	3,427,788,676 342,778,867		
						
31/12/15	03/12	31/12/15	Khách hàng trả cước	112		2,381,327,543	
						
31/12/15	06/12	31/12/15	Mua dầu ĐTCN	152 133		322,678,182 32,267,818	
						
			Cộng		3,770,567,543	3,120,567,543	
			Cộng năm 2015		11,866,927,564	11,394,720,288	
			Tồn cuối kỳ		703,663,701		

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

An Lư - Thủy Nguyên – Hải phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Quý IV/2015

Tên TK: Phải thu của khách hàng

Đối tượng : Công ty CP VTB Đại Trung Nguyên

Số hiệu: 131

Loại tiền: VNĐ

Mẫu số S13 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn chiết khấu	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Dư đầu kỳ					135,697,612	
			Quý IV/2015						
								
24/10/15	HĐ1197	24/10/15	Mua dầu ĐTCN		154		140,360,000	432,832,757	
					133		14,036,000	418,796,757	
								
30/10/15	HĐ0072	30/10/15	Phải thu Cty Đại Trung Nguyên		511	280,720,000		545,120,757	
					333	28,072,000		573,192,757	
								
			Cộng			1,156,323,455	1,073,957,429		
			Tồn cuối kỳ					218,063,638	

- Sổ này có trang , đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16 : sổ chi tiết thanh toán với người mua

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

An Lư - Thủy Nguyên – Hải phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Quý IV/2015

Tên TK: Phải thu của khách hàng

Đối tượng : Công ty CP Quảng Hà

Mẫu số S13 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số hiệu: 131

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn chiết khấu	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Dư đầu kỳ						
			Quý IV/2015						
								
25/11/15	PBC112	25/11/15	Cty CP Quảng Hà trả cước		112		132,192,736		35,672,110
								
			Cộng			1,096,856,455	967,112,799		
			Tồn cuối kỳ					129,743,656	

- Sổ này có trang , đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký ,họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Bảng tổng hợp các chi tiết phải thu khách hàng quý IV/2015

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC)

An Lư - Thủy Nguyên – Hải phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Quý IV/2015

Tên TK: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

STT	Tên KH	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty Đại Trung Nguyên	135,697,612		1,156,323,455	1,073,957,429	218,063,638	
2	Cty CP Quảng Hà			1,096,856,455	967,112,799	129,743,656	
						
	Tổng cộng phát sinh	135,697,612		4,770,567,543	4,202,601,454	703,663,701	

- Sổ này có trang , đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :

Người ghi sổ

(Ký ,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán trưởng

(Ký ,họ tên)

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Vận tải biển Nguyễn Phát

2.2.3.1. Các chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT mua vào, giấy báo nợ ngân hàng và các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- TK 331: Phải trả người bán và các tài khoản có liên quan khác

2.2.2.3. Một số nghiệp vụ phát sinh

Ví dụ 4: Ngày 10 tháng 10 năm 2015 Công ty mua 1550 lít dầu DO nhập kho với đơn giá 14.890,909 đồng 1 lít (chưa thuế VAT 10%) của công ty TNHH Xăng Dầu Tân Bình An nhập kho. Công ty chưa thanh toán theo HĐ số 0020094 .

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 152: 23.080.909

Nợ TK 133: 2.308.091

Có TK 331: 25.389.000

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu số 2.18) kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại quý IV/2015 (biểu số 2.19) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 (biểu số 2.31). Từ bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại kế toán lập chứng từ ghi sổ số 07/12 (biểu số 2.20). Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.30). Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK331 kế toán lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.34)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18: Hóa đơn GTGT số 0020094

HOÁ ĐƠN GTGT
Liên 2: Giao khách hàng
Ngày 10 tháng 10 năm 2015

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/15P
Số: **0020094**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU TÂN BÌNH AN					
Mã số thuế: 0200989422					
Địa chỉ: Thôn Bắc – Lưu Kiếm – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Điện thoại: 0313.963.689					
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Vận tải biển Nguyên Phát					
Mã số thuế: 0201294198					
Địa chỉ: Thôn An Trại, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, Hải PHÒNG.					
Hình thức thanh toán: CK			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Dầu DO	lít	1550	14.890,909	23.080.909
Cộng tiền hàng					23.080.909
Thuế suất GTGT:10%			Tiền thuế GTGT:		2.308.091
Tổng cộng tiền thanh toán:					25.389.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi lăm triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng chẵn./					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19: Bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI

Quý IV năm 2015

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 331	Ghi nợ các TK	
	Số HĐ	Ngày			TK 152	TK 133
01	HĐ20094	10/10/15	Mua dầu	25,389,000	23,080,909	2,308,091
					
			Cộng	363,343,470	330,312,245	33,031,225

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.20: Chứng từ ghi sổ số 07/12

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Chứng từ ghi sổ

Số : 07/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số: S02a – DNN

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua dầu	152	331	330,312,245	
	133	331	33,031,225	
Cộng			363,343,470	

Kèm theo Chứng từ gốc

Người lập

Kế toán trưởng

Ví dụ 5: Ngày 12/10/15 công ty thanh toán tiền đầu cho Công ty TNHH Xăng dầu Tân Bình An bằng tiền gửi ngân hàng theo hóa đơn số 0020094 tổng tiền thanh toán 25.389.000

Kế toán định khoản như sau:

	<i>Nợ 331:</i>	25.389.000
	<i>Có 112 :</i>	25.389.000

Kế toán căn cứ vào phiếu báo nợ ngân hàng (biểu số 2.21) kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại quý IV/2015 (biểu số 2.22) đồng thời ghi sổ chi tiết TK 331 (biểu số 2.31). Từ bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại kế toán lập chứng từ ghi sổ số 04/12 (biểu số 2.23). Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.30). Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK331 kế toán lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.34)

Biểu số 2.21: Phiếu báo Nợ ngân hàng

NGÂN HÀNG TM CP Á CHÂU	MST KH : 0201294198
	MST NH: 0100283873-004
PHIEU BAO NO	
Ngày: 12/10/2015	Số: 241
Ma giao dich: FT 15244086201113	
Tai khoan/khach hang : 0031000228336	
Tai khoan No	Du dau : 56,181,869
CTY TNHH VAN TAI BIEN NGUYEN PHAT	Du cuoi: 30,792,869
Tai khoan Co:	
CHUYEN TIEN	

So tien bang chu: HAI MUOI NAM TRIEU BA TRAM TAM MUOI CHIN NGHIN DONG	So tien: 25,389,000
	Tong tien: 25,389,000
Dien giai: Cong ty TNHH VTB Nguyen Phat thanh toan tien dau cho nha cung cap Tan Binh An	
KE TOAN VIEN	KIEM SOAT
	KE TOAN TRUONG

Biểu số 2.22: Bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI

Quý IV năm 2015

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 112	Ghi nợ TK 331
	Số hiệu	Ngày tháng			
				
11	PBN241	12/10/2015	Trả cty Tân Bình An	25,389,000	25,389,000
				
			Cộng	1,300,747,000	1,300,747,000

phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.23: Chứng từ ghi sổ số 04/12

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Chứng từ ghi sổ

Số : 04/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số: S02a – DNN

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp thanh toán cho người bán	331	112	1,300,747,000	
Cộng			1,300,747,000	

Kèm theo Chứng từ gốc

Người lập

Kế toán trưởng

Ví dụ 6: Ngày 07 tháng 12 năm 2015 công ty mua sơn chống rỉ AK-D và sơn ghi AK-D của công ty TNHH Thương mại vận tải và XNK Hường Thủy để phục vụ ngay cho tàu Nguyễn Phát 369. Số tiền phải trả là 25.310.000 đồng (chưa VAT 10%). Công ty chưa thanh toán.

Kế toán định khoản :

Nợ TK 154: 25.310.000

Nợ TK 133: 2.531.000

Có TK 331: 27.841.000

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu số 2.24) kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại quý IV/2015 (biểu số 2.25) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 (biểu số 2.32) . Từ bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại kế toán lập chứng từ ghi sổ số 08/12 (biểu số 2.26). Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.30).

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK331 kế toán lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.34)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.24: Hóa đơn GTGT số 0000176

HOÁ ĐƠN GTGT

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu: AA/15P

Ngày 07 tháng 12 năm 2015

Số: **0000176**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HƯỜNG THỦY**

Mã số thuế: **0201352763**

Địa chỉ: thôn 14, xã Ngũ Lão. Huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313.875.523

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị: **Công ty TNHH Vận tải biển Nguyên Phát**

Mã số thuế: 0201294198

Địa chỉ: Thôn An Trại, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, Hải PHÒNG.

Hình thức thanh toán: CK

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Sơn chống rỉ AK-D	Lít	400	47.000	18.800.000
02	Sơn ghi AK-D	Hộp	186	35.000	6.510.000

Cộng tiền hàng 25.310.000

Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT: 2.531.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 27.841.000

Số tiền viết bằng chữ: *Hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi một nghìn đồng chẵn./*

Người mua hàng

Người bán hàng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25: Bảng tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI

Quý IV năm 2015

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 331	Ghi nợ các TK	
	Số HĐ	Ngày			TK 154	TK 133
01	HĐ00176	07/12/15	Mua sơn	27,841,000	25,310,000	2,531,000
					
			Cộng	597,526,745	543,206,132	54,320,613

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.26: Chứng từ ghi sổ số 08/12

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Chứng từ ghi sổ

Số : 08/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số: S02a – DNN

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua sơn	154	331	543,206,132	
	133	331	54,320,613	
Cộng			597,526,745	

Kèm theo Chứng từ gốc

Người lập

Kế toán trưởng

Ví dụ 7: Ngày 02 tháng 10 năm 2015 công ty vận chuyển hàng hóa cho công ty CP VTB Đại Trung Nguyên từ Quảng Bình vào Vĩnh Long, do khối lượng hàng lớn nên công ty thuê tàu Lộc Nguyên 68 của công ty CP TM và XD Sơn Hà để chuyển hàng. Số tiền thuê tàu là 436.000.000(gồm VAT 10%) đồng chưa thanh toán.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 396,363,636

Nợ TK 133: 39,636,354

Có TK 331: 436,000,000

Kế toán căn cứ vào hợp đồng thuê tàu trần (biểu số 2.27) kế toán tiến hành lập chứng từ ghi sổ số 09/12 (biểu số 2.28) đồng thời ghi sổ chi tiết TK 331 (biểu số 2.33). Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.30). Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK331 kế toán lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.34)

Biểu số 2.27: Hợp đồng thuê tàu số 32

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU TRẦN

Số: 32 / HĐVC/ĐTN-VĐ

- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam số 40/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ nhu cầu và năng lực vận tải của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 10 năm 2015, chúng tôi gồm có:

BÊN A (Người thuê tàu) : CÔNG TY TNHH VTB NGUYỄN PHÁT

Địa chỉ : An Trại – An Lư – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Điện thoại : Fax:

Tài khoản : 102010001452330 tại ngân hàng Công Thương CN Hải Phòng

Mã số thuế : 0311410513

Đại diện : Ông Trần Văn Lai

Chức vụ : **Giám đốc**

Bên B(Chủ tàu): CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG SƠN HÀ

Địa chỉ : Quyết Thắng – Minh Đức – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Điện thoại : 0313633101 Fax: 05113633101

Tài khoản : 10201 0002 424 734 tại ngân hàng Công Thương CN Hải Phòng

Mã số thuế : 0200612698

Đại diện là : **Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung công việc: Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý cho thuê tàu .

Điều 2: Phương tiện vận chuyển - khối lượng.

Phương tiện vận chuyển: tàu **LỘC NGUYỄN 68** (trọng tải: 3000 DWT)

Điều 3: Thời gian thuê.

Thời gian thuê 08 ngày (tính từ ngày 02/10/2015 đến 10/10/2015)

Điều 4: Nơi giao nhận.

- Tàu được giao nhận tại cảng Hòn La , Quảng Bình

Điều 5: Giá cước thuê tàu.

- Tiền thuê tàu là 436.000.000 đồng (đã bao gồm cả phí bảo hiểm).
- Đơn giá trên đã bao gồm 10% thuế GTGT;

Điều 6: Thanh toán.

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản qua ngân hàng.

Điều 7: Quyền và trách nhiệm các bên.

Đối với Bên A

- Bảo dưỡng tàu và các trang thiết bị trên tàu trong thời gian thuê tàu trần.
- Có nghĩa vụ sửa chữa các hư hỏng của tàu trong thời gian thuê tàu và phải thông báo cho bên B biết. Bên B chịu trách nhiệm trả tiền sửa chữa nếu các tổn thất phát sinh ngoài phạm vi, trách nhiệm của bên A.
- Trong thời gian thuê tàu trần, bên A phải chịu chi phí bảo hiểm cho tàu.
- Trong thời gian thuê tàu trần, nếu việc sử dụng, khai thác tàu của bên A gây ra thiệt hại cho bên B thì bên A có nghĩa vụ khắc phục hoặc bồi thường thiệt hại đó.

Đối với Bên B

- Cung cấp phương tiện phải đạt tiêu chuẩn đăng kiểm, đủ khả năng đi biển và có bảo hiểm tàu biển và bảo hiểm P&I.

- Trong quá trình thực hiện công việc, Bên B có trách nhiệm thông báo thường xuyên cho Bên A các công việc liên quan để hai Bên cùng tham gia bàn bạc xử lý kịp thời.
- Đảm bảo các phương tiện vận tải phải đầy đủ giấy tờ và còn hiệu lực theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Trong thời gian cho thuê tàu trần, bên B không được thuê chấp tàu nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của bên A. Trường hợp bên B làm trái với quy định này thì phải bồi thường thiệt hại gây ra cho bên A.
- Nếu tàu bị bắt giữ vì các tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu hoặc các khoản nợ của bên B, bên B phải đảm bảo lợi ích cho bên A không bị ảnh hưởng và phải bồi thường thiệt hại cho bên A.

Điều 8: Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

- Hợp đồng này được áp dụng bởi Luật pháp Việt Nam.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu có bất đồng hoặc tranh chấp phát sinh thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải giữa hai bên.
- Trong trường hợp không giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải giữa hai bên thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. Quyết định của Tòa án được coi là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên và bên thua kiện sẽ phải chịu mọi phí tổn trong quá trình tố tụng.
- Trong thời gian chờ phán xử của Tòa án, các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ khác của Hợp đồng không liên quan đến vấn đề đang tranh chấp.

Điều 9: Điều khoản chung

- Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của Hợp đồng này và đảm bảo Hợp đồng được hoàn thành đúng tiến độ đạt các yêu cầu đề ra. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có sự thay đổi hai bên sẽ cùng bàn bạc và thống nhất bằng văn bản.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản để thực hiện. Hợp đồng ký qua fax có giá trị như ký trực tiếp.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 2.28: Chứng từ ghi sổ số 09/12

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Chứng từ ghi sổ

Số : 09/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số: S02a – DNN

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thuê tàu trần	632	331	396,363,636	
	133	331	39,636,364	
Cộng			436,000,000	

Kèm theo Chứng từ gốc

Người lập

Kế toán trưởng

Cuối kỳ từ những chứng từ ghi sổ đã lập kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu số 2.29)

Biểu số 2.29: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ quý IV/2015

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Quý IV/ 2015

Mẫu số: S02b – DNN

Ban hành theo QĐ số 48

TC/QĐ/CĐKT ngày 14/09/2006

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
04/12	31/12/2015	1,300,747,000
.....		
07/12	31/12/2015	363,343,470
08/12	31/12/2015	597,526,745
09/12	31/12/2015	436,000,000
.....		
Cộng		18,430,977,215

- Sổ này có 01. trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.30: Sổ cái tài khoản 331

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Mẫu số: S02c1 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Năm: 2015

Tên TK: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			Dư đầu kỳ			710,953,305	
						
			Quý IV/2015				
						
31/12/15	04/12	31/12/15	Trả tiền đầu	112	1,300,747,000		
						
31/12/15	07/12	31/12/15	Mua dầu	152		330,312,245	
				133		33,031,225	
31/12/15	08/12	31/12/15	Mua sơn	154		543,206,132	
				133		54,320,613	
31/12/15	09/12	31/12/15	Thuê tàu trần	632		396,363,636	
				133		39,636,364	
						
			Cộng		2,876,565,335	2,881,076,544	
			Cộng năm 2015		9,602,173,437	9,376,865,887	
			Tồn cuối kỳ			485,645,755	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.31: Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

An Lư - Thủy Nguyên – Hải phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Quý IV/2015

Tên TK: Phải thu của khách hàng

Đối tượng : Công ty TNHH Xăng dầu Tân Bình An

Mẫu số S13 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số hiệu: 331

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn chiết khấu	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Dư đầu kỳ						334,963,211
			Quý IV/2015						
								
10/10/15	HĐ20094	10/10/15	Mua dầu		152		23,080,909		325,398,189
					133		2,308,091		327,706,280
12/10/15	PBN241	12/10/15	Trả tiền dầu		112	25,389,000			302,317,280
								
			Cộng			938,295,196	930,859,677		
			Tồn cuối kỳ						315,465,821

- Sổ này có trang , đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.32: Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

An Lư - Thủy Nguyên – Hải phòng

Mẫu số S13 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Quý IV/2015

Tên TK: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đối tượng : Công ty TNHH TMVT và XNK Hường Thủy

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn chiết khấu	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Dư đầu kỳ						135,568,423
			Quý IV/2015						
								
07/12/15	HĐ00176	07/12/15	Mua sơn		154		25,310,000		100,368,023
					133		2,531,000		102,899,023
								
			Cộng				641,058,647	612,044,989	
			Tồn cuối kỳ						106,554,765

- Sổ này có trang , đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.33: Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

An Lư - Thủy Nguyên – Hải phòng

Mẫu số S13 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Năm 2015

Tên TK: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đối tượng : Công ty CP TM và XD Sơn Hà

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn chiết khấu	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			<i>Dư đầu kỳ</i>						
			Quý IV/2015						
02/10/15	HĐTT số 32	02/10/15	Thuê tàu trần		632		396,363,636		396,363,636
					133		39,636,354		39,636,354
								
			Cộng				436,000,000		
			Tồn cuối kỳ						

- Sổ này có trang , đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.34: Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán

Công ty TNHH VTB Nguyên Phát

An Lư - Thủy Nguyên – Hải phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Quý IV/2015

Tên TK: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

STT	Tên KH	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty TNHH XD Tân Bình An		334,963,211	938,295,196	930,859,677		315,465,821
2	Cty TNHH TMVT và XNK Hường Thủy		135,568,423	641,058,647	612,044,989		106,554,765
3	Cty CP TM và XD Sơn Hà			436,000,000	436,000,000		
						
	Tổng cộng phát sinh		481,134,546	2,876,565,335	2,881,076,544		485,645,755

- Số này có trang , đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :

Người ghi sổ

(Ký ,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán trưởng

(Ký ,họ tên)

Chương 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN NGUYỄN PHÁT

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán tại công ty TNHH Vận tải biển Nguyễn Phát

3.1.1. Ưu điểm

Nhìn chung, kế toán thanh toán với nhà cung cấp, với khách hàng tại công ty đã cung cấp được những thông tin cần thiết cho công tác quản lý nói chung và công tác quản lý tài chính nói riêng.

Việc ứng dụng phần mềm Excel trong kế toán của công ty đã giúp cho việc thiết lập hệ thống sổ sách kế toán chi tiết, đầy đủ hơn cùng với các hệ thống các báo cáo phục vụ quản trị nội bộ đã giải quyết khoa học khối lượng công việc hạch toán kế toán của công ty.

Bên cạnh đó, các tổ kế toán phối hợp hoạt động nhịp nhàng giúp cho việc hạch toán kế toán các nghiệp vụ được thực hiện nhanh hơn và có tính chuyên môn hoá cao, áp dụng kịp thời các quy định của bộ tài chính, cụ thể :

- Tổ chức công tác kế toán được thực hiện tốt theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006.

- Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán công ty sử dụng nhìn chung phù hợp với quy định của Nhà nước theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006.

- Đối với công tác thanh toán với người mua, việc hạch toán phải thu khách hàng được chi tiết cho từng người mua.

- Đối với công tác thanh toán với người bán, việc hạch toán phải trả người bán được chi tiết cho từng đối tượng.

- Việc thanh toán chủ yếu được thực hiện qua ngân hàng đã góp phần nâng cao công tác quản lý tài chính của công ty.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên, việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán, với khách hàng với nhà nước vẫn còn những tồn tại cần được khắc phục

- Công ty không áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng .

- Do việc lập các sổ sách của công ty hoàn toàn trên excel vì vậy dẫn đến một số các trường hợp hạn chế sau:

+ Hay gặp sai sót trong việc lập sổ. Số liệu không khớp nhau giữa các sổ do nhập sai số liệu.

+ Phải tự tạo sổ nên mất thời gian trong việc căn chỉnh dòng, cột, trang, sao cho hợp lý.

Từ đó làm cho việc hoàn thành sổ sách bị chậm lại vì phải tìm lỗi sai và chỉnh sửa.

- Công ty lập các chứng từ ghi sổ theo quý dẫn đến tình trạng các hóa đơn, chứng từ bị dồn về cuối quý khá nhiều đã làm cho việc vào sổ và quản lý gặp khó khăn.

- Công ty không tiến hành lập dự phòng phải thu khó đòi trong khi thực tế có phát sinh tại đơn vị. Công ty không tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ không phản ánh đúng tình hình tài sản của đơn vị làm ảnh hưởng đến tài chính của doanh nghiệp khi có 1 số khoản nợ phải thu khó đòi có khả năng không đòi được trong tương lai. Sau đây là bảng báo cáo tình hình công nợ phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2015 tại công ty TNHH VTB Nguyên Phát.

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ phải thu khách hàng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đến ngày 31/12/2015

STT	Tên công ty	Dư nợ đến 31/12/2015	Chưa đến hạn thanh toán	Đến hạn thanh toán	Quá hạn thanh toán	Ghi chú
1	Công ty CP VTB Đại Trung Nguyễn	218,063,638	150,000,000	68,063,638		
2	Công ty CP Quảng Hà	129,743,656		129,743,656		
3	Công Ty TNHH Bình Minh	50,624,386			50,624,386	1 năm 2 tháng 11 ngày
4	Công ty CP Thanh Bình	176,241,228		150,000,000	26,241,228	4 tháng 26 ngày
					
	Tổng cộng	703,663,701	150,000,000	457,275,956	96,387,745	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Công ty TNHH Vận tải Biển Nguyễn Phát – tổ Kế Toán, 2015)

3.2. Một số biện pháp nhằm tăng cường công tác quản lý công nợ tại công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Căn cứ vào những nghiên cứu thực tiễn về tình hình hạch toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Vận tải biển Nguyên Phát và trên cơ sở, yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán em xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện công tác thanh toán với khách hàng, nhà cung cấp như sau:

❖ Kiến nghị 1: Áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng

- Công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn. Sẽ giúp thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

+ Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 635 : Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131, 111, 112:

Dựa vào lãi suất ngân hàng và hạn thanh toán phần trăm chiết khấu thanh toán cho khách hàng như sau:

- (1) Chiết khấu 0,6% đối với khách hàng thanh toán trước từ 1 đến 15 ngày
- (2) Chiết khấu 0,8% đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày
- (3) Chiết khấu 1% đối với khách hàng thanh toán trước trên 30 ngày

❖ Kiến nghị 2: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp cho doanh nghiệp hạn chế tối đa số tổn thất phải chịu khi có một khách hàng xảy ra sự cố không thể đòi được nợ.

Căn cứ để trích lập dự phòng là dựa vào văn bản pháp luật là thông tư số 228/2009 – BTC, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 34/2011 – BTC và thông tư số 89/2013 – BTC.

Nợ khó đòi hay còn gọi là nợ xấu đó là các khoản nợ dưới chuẩn, có thể quá hạn và bị nghi ngờ về khả năng trả nợ lẫn khả năng thu hồi vốn của chủ nợ, điều này thường xảy ra khi các con nợ đã tuyên bố phá sản hoặc đã tẩu tán tài sản. Nợ xấu gồm các khoản nợ quá hạn trả lãi hoặc gốc trên thường quá ba tháng, căn cứ vào khả năng trả nợ của khách hàng để hạch toán các khoản vay vào các nhóm thích hợp. Gồm có:

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân,...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

- Những khoản nợ quá hạn 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi. Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

+ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- (1) 30% giá trị đối với khoản nợ thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm
- (2) 50% giá trị đối với khoản nợ thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- (3) 70% giá trị đối với khoản nợ thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- (4) 100% giá trị đối với khoản nợ thu quá hạn từ 3 năm trở lên

+ Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng

+ Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp

Việc trích lập dự phòng như thế này sẽ hạch toán theo tài khoản 159, đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

Kết cấu của tài khoản 159: dự phòng phải thu khó đòi

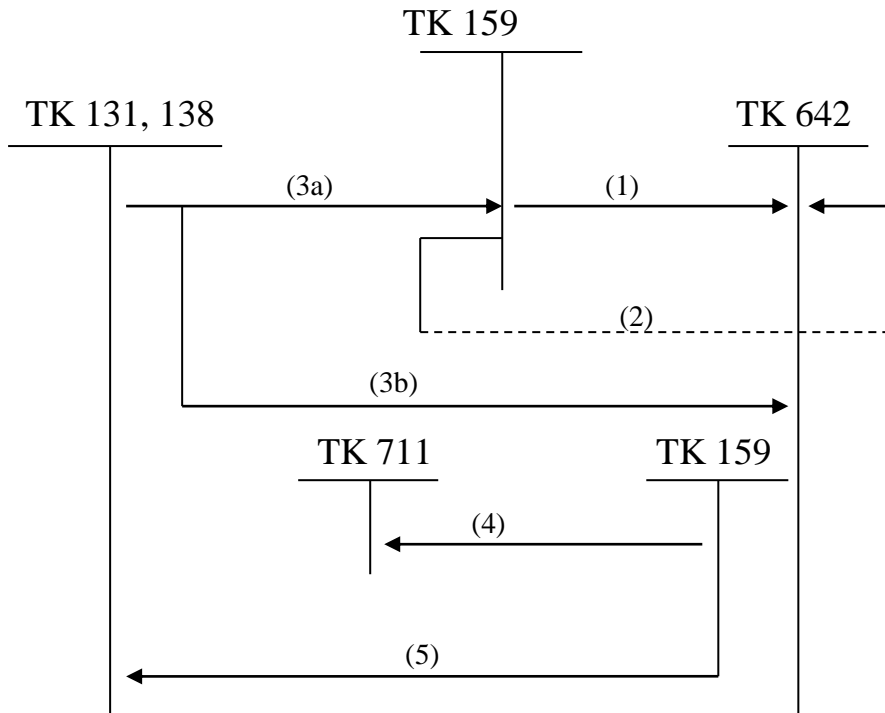
Bên nợ: Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

Bên có: Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Số dư bên có: Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có ở cuối kỳ.

Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng được thể hiện như sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 3.1: Trích lập dự phòng và xử lý dự phòng



Chú giải:

- (1): Lập dự phòng phải thu khó đòi (theo số chênh lệch phải lập kỳ này lớn hơn số đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
- (2): Hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi (theo số chênh lệch kỳ này nhỏ hơn số đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
- (3a): Xóa sổ nợ phải thu khó đòi (đã lập dự phòng)
- (3b): Xóa sổ nợ phải thu khó đòi (phần được tính vào chi phí)
- (4): Tiền thu từ việc bán nợ cho công ty mua bán nợ
- (5): Nợ khó đòi đã có thể đòi được (sau khi đánh giá lại tình trạng nợ)

Biểu số 3.2: Bảng tính trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Đơn vị: công ty TNHH VTB Nguyên Phát

Địa chỉ: An Lư – Thủy Nguyên – Hải phòng

BẢNG TÍNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Năm 2015

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công Ty TNHH Bình Minh	50,624,386	1 năm 2 tháng 11 ngày	50%	25,312,193
2	Công ty CP Thanh Bình	26,241,228	4 tháng 26 ngày	30%	7,872,368
				
	Tổng cộng	96,387,745			39,213,655

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nhìn vào báo cáo trên có thể thấy công ty cần trích lập dự phòng năm 2015 đối với các khoản nợ như sau:

- Công ty TNHH Bình Minh theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2015 thì khoản nợ 50.624.386 đồng có hạn thanh toán là ngày 20/10/2013, đã quá hạn 1 năm 2 tháng 11 ngày

- Công ty CP Thanh Bình theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2015 thì khoản nợ 26.241.228 đồng có hạn thanh toán là ngày 05/8/2015, đã quá hạn 4 tháng 26 ngày

Kế toán sẽ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên báo cáo tình hình công nợ như sau

- Số dự phòng nợ phải thu khó đòi

$$50.624.386 \times 50\% = 25.312.193$$

$$26.241.228 \times 30\% = 7.872.368$$

.....

Căn cứ vào số liệu đã tính kế toán ghi:

$$\text{Nợ TK 642: } 39.213.655$$

$$\text{Có TK 159: } 39.213.655$$

Từ nghiệp vụ trên kế toán lập chứng từ ghi sổ rồi từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái và các sổ sách kế toán khác có liên quan.

❖ Kiến nghị 3: Lập chứng từ ghi sổ theo tháng

Công ty nên thay đổi lập các chứng từ ghi sổ theo quý sang theo tháng vì như thế sẽ làm cho các hóa đơn, chứng từ không bị dồn nhiều vào cuối kỳ, từ đó sẽ dễ dàng quản lý hóa đơn, chứng từ tốt hơn. Đồng thời giảm bớt khối lượng công tác kế toán vào thời điểm cuối kỳ.

❖ Kiến nghị 4: Tin học hóa công tác kế toán

Công ty vẫn còn áp dụng hình thức kế toán thủ công làm giảm tiến độ công việc vì vậy doanh nghiệp nên áp dụng hình thức kế toán máy để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

Trong thời đại hiện nay hầu hết các công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy vì vậy công ty cũng nên tiếp thu sự tiến bộ đó để giúp cho việc quản lý các nghiệp vụ kinh tế của bộ phận kế toán cũng như ban lãnh đạo của công ty dễ dàng hơn.

Trước khi áp dụng phần mềm kế toán công ty cử nhân viên đi đào tạo để có kiến thức về phần mềm kế toán để về áp dụng tại công ty.

KẾT LUẬN

Thực hiện tốt việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán không những làm tăng cường củng cố nề nếp tài chính tránh được những sai sót, nhầm lẫn, mà còn cung cấp thông tin quan trọng, xác thực cho công tác quản lý. Với đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại công ty TNHH Vận tải Biển Nguyên Phát”** em đã nghiên cứu cơ sở lý luận của các nghiệp vụ thanh toán cũng như thực trạng hạch toán các nghiệp vụ thanh toán tại công ty TNHH VTB Nguyên Phát để tìm ra những ưu, nhược điểm và đưa ra một số biện pháp khắc phục những nhược điểm đó. Do điều kiện còn hạn chế nên em không thể trình bày tất cả các nghiệp vụ thanh toán và chưa đi sâu vào phân tích nhu cầu và khả năng thanh toán của công ty. Tuy nhiên, em đã cố gắng nghiên cứu những nghiệp vụ thanh toán cơ bản và quan trọng nhất.

Những phân tích đề xuất trên đây với góc nhìn của một sinh viên kế toán thực tập tại một công ty mà hoạt động dịch vụ vận chuyển mang tính chất đặc thù giữa kiến thức học đường và thực tiễn còn có một khoảng cách. Do vậy những điều đã nói đã viết trong tập chuyên đề này khó tránh khỏi sự thiếu sót, nhất là những ý kiến đóng góp.

Em xin chân thành cảm ơn **thầy giáo: ThS. Phạm Văn Tường** là người trực tiếp hướng dẫn em cùng các anh chị trong phòng kế toán của công ty TNHH VTB Nguyên Phát đã giúp đỡ em rất nhiều để em có thể làm tốt chuyên đề tốt nghiệp này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp, Khoa Kế Toán, Trường Cao Đẳng Ngoại Ngữ Công Nghệ Việt Nhật biên soạn
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định số 48 ngày 20/3/2006 - QĐ-BTC ban hành và hệ thống tài khoản kế toán
3. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam - Nhà xuất bản tài chính năm 12-2002
4. Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp - Trường ĐH Kinh Tế Quốc Dân- Khoa Kế toán

Chủ Biên : TS Đặng Thị Loan - Nhà xuất bản giáo dục

5. Công ty TNHH VTB Nguyên Phát (2015), Sổ sách kế toán công ty.